

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hóa, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt Đề cương điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa
thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

Căn cứ Nghị quyết số 252/2025/NQ15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Thanh Hóa năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

Căn cứ Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

Căn cứ Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

Căn cứ Thông tư số 22/2026/TT-BTC ngày 17/03/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn nội dung và yêu cầu kỹ thuật của cơ sở dữ liệu về quy hoạch và sơ đồ quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh;

Căn cứ Quyết định số 1259/QĐ-UBND ngày 24/4/2026 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch hành động của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 109/NQ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2026 của Chính phủ cập nhật, bổ sung Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng và Kết luận số 18-KL/TW của Trung ương về Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, tài chính quốc gia và vay, trả nợ công, đầu tư công trung hạn 5 năm 2026 - 2030 gắn với thực hiện mục tiêu phấn đấu tăng trưởng “2 con

số” và Chương trình hành động số 19-CTr/TU ngày 05 tháng 3 năm 2026 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 4446/TTr-STC ngày 24 tháng 4 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Đề cương lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 với những nội dung như sau:

I. Tên quy hoạch: Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

II. Phạm vi, thời kỳ lập điều chỉnh quy hoạch

1. Phạm vi, ranh giới

a) Phạm vi: Bao gồm toàn bộ lãnh thổ đất liền, không gian biển của tỉnh Thanh Hóa và những vấn đề liên tỉnh, vùng Bắc Trung Bộ, cả nước và quốc tế có ảnh hưởng trực tiếp hoặc ảnh hưởng lớn đến tỉnh Thanh Hóa.

b) Ranh giới:

- Phía Bắc: giáp các tỉnh Ninh Bình, Phú Thọ, Sơn La;
- Phía Nam: giáp tỉnh Nghệ An;
- Phía Tây: giáp tỉnh Hủa Phăn nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào;
- Phía Đông: giáp Biển Đông.

2. Thời kỳ, tầm nhìn điều chỉnh quy hoạch

- a) Đánh giá thực trạng giai đoạn 2021 - 2025;
- b) Định hướng, phương án phát triển điều chỉnh giai đoạn 2026 - 2030;
- c) Tầm nhìn quy hoạch: Đến năm 2050.

III. Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc lập điều chỉnh quy hoạch

1. Quan điểm

1.1. Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Thanh Hóa phải có tầm nhìn dài hạn, tổng thể, đáp ứng các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch; phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch ngành quốc gia liên quan đến địa bàn tỉnh Thanh Hóa; xây dựng Thanh Hóa thực sự trở thành cực tăng trưởng ở khu vực Bắc Trung bộ và Nam đồng bằng Bắc bộ.

1.2. Kế thừa những quan điểm, định hướng phát triển còn phù hợp; rà soát những nội dung cần điều chỉnh, cập nhật, bổ sung các điều kiện phát triển mới,

nhất là về tổ chức không gian, hệ thống kết cấu hạ tầng, định hướng liên kết các khu vực trên cơ sở bám sát các chủ trương, chỉ đạo của trung ương, khả năng cân đối, huy động nguồn lực, nhằm đánh giá đúng thực trạng, dự báo đúng xu hướng, tạo thêm động lực, sự đột phá về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

1.3. Bảo đảm khai thác tối đa các cơ hội của việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; phát huy cao độ lợi thế về vị trí chiến lược, vai trò cầu nối liên kết vùng và tiềm năng khác biệt, lợi thế cạnh tranh của tỉnh; hướng đến sự phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, giảm nghèo và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế.

1.4. Huy động tối đa nội lực, kết hợp với tranh thủ tốt các nguồn lực từ bên ngoài; lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tư nhân làm động lực quan trọng; lấy giá trị văn hóa và con người làm nguồn lực nội sinh; giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển nhanh với phát triển bền vững, giữa phát triển theo chiều rộng và chiều sâu, trong đó, phát triển theo chiều sâu là chủ đạo.

1.5. Đẩy mạnh liên kết nội tỉnh và liên tỉnh; kiến tạo các hành lang giao thông gắn với phát triển các hành lang kinh tế, các hành lang đô thị; phát triển toàn diện các vùng, miền, địa phương, nhất là một số địa bàn trọng điểm, mang tính chiến lược; xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu.

2. Mục tiêu

2.1. Rà soát việc thực hiện Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm đánh giá các nội dung đã đạt được, chưa đạt được, các nội dung cần điều chỉnh, bổ sung để phù hợp với các chủ trương, định hướng mới của Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở đó làm rõ các nội dung cần điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

2.2. Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển, nhiệm vụ và giải pháp để đẩy mạnh việc thực hiện các khâu đột phá về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững.

2.3. Tổ chức không gian phát triển thống nhất, hiệu quả trên cơ sở kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng, gắn với khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên nhiên; phát triển các ngành, các vùng trọng điểm gắn với việc huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

2.4. Tạo cơ sở để lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đáp ứng yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, chiến lược, lâu dài của hệ thống quy hoạch.

2.5. Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp quy mô lớn giá trị gia tăng cao, du lịch, dịch vụ logistics; phấn đấu đến năm 2030, Thanh Hóa trong nhóm những tỉnh dẫn đầu cả nước, đến năm 2050 trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc.

3. Nguyên tắc

3.1. Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch, bảo đảm tính phù hợp, đồng bộ, thống nhất và tính kế thừa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3.2. Xác định rõ, cụ thể nội dung mâu thuẫn, chưa phù hợp trong Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ.

3.3. Xác định rõ quan điểm, mục tiêu phát triển, phương án và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, trên cơ sở kế thừa quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

IV. Nội dung lập điều chỉnh quy hoạch

1. Yêu cầu

1.1. Điều chỉnh quy hoạch tỉnh bảo đảm định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa phải đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế và các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên.

1.2. Điều chỉnh quan điểm, mục tiêu phát triển của tỉnh bảo đảm tính phù hợp và phát huy tối đa lợi thế của địa phương. Phân bố phát triển không gian thống nhất giữa kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phân bố đất đai và bảo vệ môi trường. Phân bố, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử, văn hóa trên địa bàn tỉnh.

1.3. Có sự liên kết, đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh gắn với tiến bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, cân bằng và hài hòa phát triển kinh tế - xã hội - môi trường.

1.4. Bảo đảm quyền được tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư trong quá trình lập điều chỉnh quy hoạch; bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập điều chỉnh quy hoạch; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước.

1.5. Nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh được thể hiện bằng báo cáo điều chỉnh quy hoạch; hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch theo quy định.

2. Nội dung

Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, với những nội dung chính cần điều chỉnh như sau:

(1) Điều chỉnh phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn; hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian ngầm; hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên và đa dạng sinh học;

(2) Điều chỉnh các kịch bản phát triển và lựa chọn kịch bản phát triển;

(3) Điều chỉnh quan điểm, mục tiêu phát triển đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

(4) Điều chỉnh, bổ sung các nhiệm vụ trọng tâm, đột phá phát triển trong kỳ quy hoạch;

(5) Điều chỉnh phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội; phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực;

(6) Điều chỉnh phương hướng phát triển hệ thống đô thị và nông thôn;

(7) Điều chỉnh, bổ sung phương hướng phát triển các khu chức năng (khu kinh tế, khu công nghiệp, khu kinh tế số, khu nghiên cứu, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, khu thể thao, khu văn hóa, khu du lịch,...); phương hướng phát triển cụm công nghiệp, các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung;

(8) Phương hướng phát triển khu vực miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (nếu có);

(9) Điều chỉnh phương hướng phát triển mạng lưới giao thông;

(10) Điều chỉnh phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện, hạ tầng năng lượng;

(11) Điều chỉnh phương hướng phát triển hạ tầng viễn thông;

(12) Điều chỉnh phương hướng phát triển hệ thống thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước bao gồm công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; hệ thống thủy lợi và hệ thống cấp nước, thoát nước cấp tỉnh, liên xã; các đập, hồ chứa, công trình điều tiết, tích trữ nước, phát triển nguồn nước có quy mô vừa và nhỏ;

(13) Điều chỉnh phương hướng phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang.

- (14) Phương hướng phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy;
- (15) Phương hướng phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá;
- (16) Điều chỉnh phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội;
- (17) Điều chỉnh phương hướng phát triển không gian ngầm (nếu có);
- (18) Điều chỉnh định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;
- (19) Điều chỉnh phương hướng bảo vệ môi trường và bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh;
- (20) Điều chỉnh phương hướng bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh;
- (21) Điều chỉnh phương hướng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra;
- (22) Điều chỉnh phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.
- (23) Điều chỉnh giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch;
- (24) Điều chỉnh hệ thống bản đồ, sơ đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch.

V. Các phương pháp lập điều chỉnh quy hoạch

- 1. Phương pháp tích hợp quy hoạch;
- 2. Phương pháp nghiên cứu tại bàn;
- 3. So sánh đối chiếu, lồng ghép bản đồ với việc áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS);
- 4. Phương pháp phân tích, đánh giá, chẩn đoán nhận diện các vấn đề nghiên cứu;
- 5. Phương pháp dự báo, quy hoạch chiến lược và xây dựng các kịch bản phát triển;
- 6. Phương pháp cùng tham gia được lựa chọn;
- 7. Phương pháp cân đối, đánh giá hiệu quả các giải pháp quy hoạch;
- 8. Phương pháp tham gia của cộng đồng và dân cư;
- 9. Các phương pháp khác phù hợp với quy trình kỹ thuật trong lập Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

VI. Sản phẩm

- 1. Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền;
- 2. Báo cáo thuyết minh điều chỉnh quy hoạch (báo cáo thuyết minh tổng hợp và báo cáo tóm tắt);

3. Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu (bao gồm cả bản đồ số), bản đồ chuyên đề (nếu có);

4. Báo cáo tổng hợp và giải trình, tiếp thu ý kiến góp ý của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng, cá nhân về điều chỉnh quy hoạch;

5. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

6. Các tài liệu khác có liên quan.

VII. Tiến độ thực hiện

1. Hoàn thành điều chỉnh quy hoạch tỉnh trong tháng 6 năm 2026;

2. Hoàn thành việc công bố, xây dựng và cập nhật cơ sở dữ liệu, nghiệm thu trong tháng 6 năm 2026.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Căn cứ nội dung tại Điều 1 Quyết định này, giao Sở Tài chính chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND các xã, phường tổ chức triển khai lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh đảm bảo tiến độ, chất lượng và tuân thủ quy định của pháp luật.

2. Các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan và UBND các xã, phường có trách nhiệm phối hợp với Sở Tài chính trong quá trình triển khai lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh đảm bảo công khai, minh bạch, hiệu quả, khả thi. Đồng thời, chịu trách nhiệm toàn diện trước pháp luật và UBND tỉnh, Chủ tịch UBND tỉnh về tính chính xác của các thông tin, số liệu báo cáo, nội dung quy hoạch cần điều chỉnh đề xuất và việc thực hiện các quy trình, quá trình triển khai đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

Giám đốc các sở, Trưởng các ban, ngành, đơn vị cấp tỉnh, Chủ tịch UBND các xã, phường, các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 Quyết định;
- Văn phòng Chính phủ, Bộ Tài chính (để b/c);
- Thường trực: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh (để b/c);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Chánh Văn phòng, các Phó CVP UBND tỉnh;
- Lưu: VT, THĐT. (481.2026)

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Nguyễn Hoài Anh

ĐỀ CƯƠNG
ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH THANH HÓA
THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2045

I. SỰ CẦN THIẾT ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023, sau hơn 3 năm tổ chức thực hiện đã đạt được nhiều kết quả tích cực. Đến nay, bối cảnh đất nước đã có những thay đổi lớn về sắp xếp không gian phát triển, tổ chức bộ máy và vận hành chính quyền địa phương 2 cấp; nhiều quyết sách chiến lược lớn mang tính lịch sử về hoàn thiện thể chế, phát triển khoa học công nghệ, kinh tế tư nhân và hội nhập quốc tế được ban hành, tạo ra thế và lực mới cho phát triển đất nước; đặt ra yêu cầu mới, đòi hỏi các ngành, lĩnh vực, khu vực phải có sự phát triển mang tính đột phá hơn so với những phương hướng, kế hoạch đã xác định trước đây.

Bên cạnh đó, việc điều chỉnh của các quy hoạch cấp cao hơn (Quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch ngành, quy hoạch vùng) và việc thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Chính phủ về bảo đảm quốc phòng, an ninh, sắp xếp đơn vị hành chính, dự án quan trọng quốc gia đã làm thay đổi, tác động đến một số nội dung của Quy hoạch tỉnh. Theo quy định của pháp luật về quy hoạch, Quy hoạch tỉnh thuộc trường hợp cần được rà soát, điều chỉnh khi xuất hiện các yếu tố nêu trên. Cụ thể như sau:

- Về sắp xếp đơn vị hành chính trên cả nước và đối với tỉnh

Ngày 12/4/2025, Hội nghị lần thứ 11 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII đã thông qua Nghị quyết số 60-NQ/TW, thống nhất số lượng đơn vị hành chính cấp tỉnh sau sắp xếp còn 34 tỉnh, thành phố, gồm 28 tỉnh và 06 thành phố trực thuộc Trung ương. Tiếp đó, ngày 12/6/2025, Quốc hội ban hành Nghị quyết số 202/2025/QH15 về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, trong đó tỉnh Thanh Hóa là một trong 11 tỉnh, thành phố¹ không thực hiện sắp xếp. Trong bối cảnh đó, yêu cầu tăng cường liên kết vùng, hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông kết nối, đẩy nhanh phát triển các trung tâm kinh tế, dịch vụ tiếp tục được đặt ra cấp thiết.

Thực hiện chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy, xây dựng mô hình chính quyền địa phương 2 cấp, từ ngày 01/7/2025 chấm dứt hoạt động của đơn vị hành chính cấp huyện. Đối với tỉnh Thanh Hóa, Ủy ban Thường vụ Quốc hội đã ban hành Nghị quyết số 1686/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 về sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh; sau sắp xếp, toàn tỉnh có 166 đơn vị hành chính cấp xã, gồm 147 xã và 19 phường. Việc thay đổi tổ chức đơn vị hành chính nêu trên tác động trực tiếp đến việc sắp xếp, tổ chức lại không gian phát triển theo

¹ Gồm: Cao Bằng, Điện Biên, Hà Tĩnh, Lai Châu, Lạng Sơn, Nghệ An, Quảng Ninh, Thanh Hoá, Sơn La và thành phố Hà Nội, thành phố Huế.

hướng liên kết vùng, liên xã; phát huy lợi thế của từng khu vực; điều chỉnh mô hình quản trị không gian, hệ thống đô thị, trung tâm hành chính, phân bố đất đai và chức năng sử dụng đất; đồng thời đặt ra yêu cầu rà soát, cập nhật các định hướng kết nối liên tỉnh, liên vùng trong Quy hoạch tỉnh cho phù hợp với tình hình mới.

- Kể từ sau thời điểm phê duyệt, có nhiều định hướng ở quy hoạch cấp cao hơn làm thay đổi nội dung của Quy hoạch tỉnh

Quy hoạch tỉnh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023. Sau thời điểm được phê duyệt, nhiều quy hoạch ở cấp cao hơn tiếp tục được thẩm định, phê duyệt, làm phát sinh các định hướng mới có liên quan trực tiếp đến một số nội dung của quy hoạch. Sự thay đổi nêu trên đã tác động đến các định hướng bố trí không gian phát triển của các ngành, lĩnh vực và quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh; do đó đặt ra yêu cầu rà soát, cập nhật, điều chỉnh Quy hoạch tỉnh cho phù hợp.

- Điều chỉnh để phù hợp với Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ

Trong bối cảnh Điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 04/4/2026; theo đó vùng Bắc Trung Bộ còn 05 tỉnh, thành phố gồm: Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh, Quảng Trị và Huế, một số nội dung của Quy hoạch tỉnh hiện hành đã bộc lộ những điểm không còn phù hợp. Vì vậy, cần rà soát, điều chỉnh để bảo đảm đồng bộ với định hướng phát triển không gian, tổ chức lãnh thổ và liên kết vùng trong bối cảnh mới.

- Điều chỉnh để phù hợp với Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030 của tỉnh

Nhằm bảo đảm Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thống nhất, đồng bộ với Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030 và Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030, một số nội dung, chỉ tiêu quan trọng của Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, nhất là các chỉ tiêu của giai đoạn 2026 - 2030, cần được rà soát, cập nhật, điều chỉnh cho phù hợp với yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới.

II. CĂN CỨ LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

1. Cơ sở chính trị

- Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng;
- Nghị quyết số 58-NQ/TW ngày 05/8/2020 của Bộ Chính trị về xây dựng và phát triển tỉnh Thanh Hóa đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Kết luận số 127-KL/TW ngày 28/02/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về triển khai nghiên cứu, đề xuất tiếp tục sắp xếp tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị;

- Kết luận số 157-KL/TW ngày 25/5/2025 của Bộ Chính trị về triển khai thực hiện các Nghị quyết, Kết luận của Trung ương, Bộ Chính trị về sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính;

- Kết luận số 167-KL/TW ngày 13/6/2025 của Bộ Chính trị, Ban Bí thư về chủ trương thực hiện sắp xếp tổ chức bộ máy và đơn vị hành chính, đưa vào hoạt động đồng thời cấp tỉnh, cấp xã từ ngày 01/7/2025;

- Kết luận của Bộ Chính trị tại Công văn số 15902-CV/VPTW ngày 06/07/2025 của Văn phòng Trung ương Đảng về việc điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Kết luận số 203-KL/TW ngày 04/11/2025 của Bộ Chính trị về tiếp tục tập trung thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp nhằm bảo đảm thực hiện ở mức cao nhất mục tiêu tăng trưởng năm 2025, tạo đà vững chắc cho tăng trưởng bền vững ở mức 2 con số trong giai đoạn tới và tổng kết Nghị quyết số 05-NQ/TW, ngày 01/11/2016 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khoá XII;

- Các Nghị quyết của Bộ Chính trị: số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia; số 68-NQ/TW ngày 04/5/2025 về phát triển kinh tế tư nhân; số 70-NQ/TW ngày 20/8/2025 về bảo đảm an ninh năng lượng quốc gia đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045; số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo; số 72-NQ/TW ngày 09/9/2025 về một số giải pháp đột phá, tăng cường bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe Nhân dân; số 79-NQ/TW ngày 06/01/2026 về phát triển kinh tế Nhà nước; số 80-NQ/TW ngày 07/01/2026 về phát triển văn hóa Việt Nam.

2. Căn cứ pháp lý

- Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15 ngày 16/6/2025;

- Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Đất đai số 31/2024/QH15 ngày 18/01/2024;

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15; Luật số 144/2025/QH15 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

- Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 252/2025/NQ15 ngày 10/12/2025 của Quốc hội sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 81/2023/QH15 ngày 09/01/2023 của Quốc hội về Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Nghị quyết số 37/2021/QH15 ngày 13/11/2021 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển tỉnh Thanh Hóa;
- Nghị quyết số 76/2025/UBTVQH15 ngày 14/4/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính năm 2025;
- Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12/6/2025 của Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;
- Nghị quyết số 52/NQ-CP ngày 18/3/2025 của Chính phủ về việc phê duyệt Nhiệm vụ lập Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 509/QĐ-TTg ngày 13/6/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống du lịch thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Quyết định số 12/QĐ-TTg ngày 03/01/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 991/QĐ-TTg ngày 16/9/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở văn hóa và thể thao thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Quyết định số 1587/QĐ-TTg ngày 17/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 31/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Quyết định số 1569/QĐ-TTg ngày 20/7/2025 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện các nghị quyết của Quốc hội, Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh, cấp xã năm 2025;
- Quyết định số 759/QĐ-TTg ngày 14/4/2025 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án sắp xếp, tổ chức lại đơn vị hành chính các cấp và xây dựng mô hình tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp;
- Quyết định số 338/QĐ-TTg ngày 24/4/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch thực hiện Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;
- Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 được Thủ tướng Chính phủ phân bổ tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022;
- Quyết định số 89/QĐ-TTg ngày 23/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;
- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ

phê duyệt Quy hoạch phát triển hạ tầng thông tin truyền thông thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 38/QĐ-TTg ngày 11/01/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển ngành bảo hiểm xã hội Việt Nam đến năm 2030;

- Quyết định số 95/QĐ-TTg ngày 16/11/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất an ninh thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1007/QĐ-TTg ngày 30/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hệ thống cơ sở xã hội nuôi dưỡng người có công với cách mạng thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 979/QĐ-TTg ngày 22/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch phát triển hệ thống cảng cạn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 966/QĐ-TTg ngày 17/8/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch mạng lưới cơ sở trợ giúp xã hội thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 893/QĐ-TTg ngày 26/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tổng thể về năng lượng quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 866/QĐ-TTg ngày 18/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, chế biến và sử dụng các loại khoáng sản thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 847/QĐ-TTg ngày 14/7/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phòng chống thiên tai và thủy lợi thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1622/QĐ-TTg ngày 27/12/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tài nguyên nước thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 613/QĐ-TTg ngày 04/4/2026 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 153/QĐ-TTg ngày 27/02/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Quyết định số 500/QĐ-TTg ngày 15/5/2023 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Quyết định số 768/QĐ-TTg ngày 15/4/2025 của Thủ tướng

Chính phủ phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch phát triển điện lực quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch điện VIII);

3. Chủ trương, định hướng phát triển của tỉnh

- Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Thanh Hóa lần thứ XX, nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh nhiệm kỳ 2025 - 2030;

- Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2026 - 2030;

- Báo cáo đánh giá thực hiện Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

III. YÊU CẦU, NỘI DUNG LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

1. Tên quy hoạch, phạm vi ranh giới, thời kỳ, tầm nhìn của quy hoạch

1.1. Tên quy hoạch: “Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050”.

1.2. Phạm vi, ranh giới lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh

- Phạm vi nghiên cứu lập điều chỉnh quy hoạch bao gồm: Bao gồm toàn bộ lãnh thổ đất liền, không gian biển của tỉnh Thanh Hóa và những vấn đề liên tỉnh, vùng Bắc Trung Bộ, cả nước và quốc tế có ảnh hưởng trực tiếp hoặc ảnh hưởng lớn đến tỉnh Thanh Hóa.

- Ranh giới lập điều chỉnh Quy hoạch:

+ Phía Bắc: giáp các tỉnh Ninh Bình, Phú Thọ, Sơn La;

+ Phía Nam: giáp tỉnh Nghệ An;

+ Phía Tây: giáp tỉnh Hủa Phăn nước Cộng hòa dân chủ Nhân dân Lào;

+ Phía Đông: giáp Biển Đông.

1.3. Phạm vi thời kỳ điều chỉnh quy hoạch tỉnh

- Đánh giá thực trạng giai đoạn 2021 - 2025;

- Định hướng, phương án phát triển điều chỉnh giai đoạn 2026 - 2030;

- Thời kỳ quy hoạch: Đến năm 2050.

2. Quan điểm, mục tiêu, nguyên tắc và yêu cầu về nội dung lập điều chỉnh quy hoạch

2.1. Quan điểm lập điều chỉnh quy hoạch

- Điều chỉnh quy hoạch tỉnh Thanh Hóa phải có tầm nhìn dài hạn, tổng thể, đáp ứng các mục tiêu của chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong kỳ quy hoạch; phù hợp với chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước, định hướng của Quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng và các quy hoạch ngành quốc gia liên quan đến địa bàn tỉnh Thanh Hóa; xây dựng Thanh Hóa thực sự trở thành cực tăng trưởng ở khu vực Bắc Trung bộ và Nam đồng bằng Bắc bộ.

- Kế thừa những quan điểm, định hướng phát triển còn phù hợp; rà soát những nội dung cần điều chỉnh, cập nhật, bổ sung các điều kiện phát triển mới, nhất là về tổ chức không gian, hệ thống kết cấu hạ tầng, định hướng liên kết các khu vực trên cơ sở bám sát các chủ trương, chỉ đạo của Trung ương, khả năng cân đối, huy động nguồn lực, nhằm đánh giá đúng thực trạng, dự báo đúng xu hướng, tạo thêm động lực, sự đột phá về phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Bảo đảm khai thác tối đa các cơ hội của việc thực hiện sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; phát huy cao độ lợi thế về vị trí chiến lược, vai trò cầu nối liên kết vùng và tiềm năng khác biệt, lợi thế cạnh tranh của tỉnh; hướng đến sự phát triển hài hòa giữa kinh tế với văn hóa, xã hội, bảo vệ môi trường, thích ứng với biến đổi khí hậu; phát triển kinh tế gắn với thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội, giảm nghèo và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của Nhân dân; đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hội nhập quốc tế.

- Huy động tối đa nội lực, kết hợp với tranh thủ tốt các nguồn lực từ bên ngoài; lấy khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số, chuyển đổi xanh, kinh tế tư nhân làm động lực quan trọng; lấy giá trị văn hóa và con người làm nguồn lực nội sinh; giải quyết tốt mối quan hệ giữa phát triển nhanh với phát triển bền vững, giữa phát triển theo chiều rộng và chiều sâu, trong đó, phát triển theo chiều sâu là chủ đạo.

- Đẩy mạnh liên kết nội tỉnh và liên tỉnh; kiến tạo các hành lang giao thông gắn với phát triển các hành lang kinh tế, các hành lang đô thị; phát triển toàn diện các vùng, miền, địa phương, nhất là một số địa bàn trọng điểm, mang tính chiến lược; xây dựng nông thôn mới hiện đại, giàu đẹp, bản sắc, bền vững, gắn với đô thị hóa và thích ứng biến đổi khí hậu.

- Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 bảo đảm theo quy định của Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15; Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch.

2.2. Mục tiêu lập điều chỉnh quy hoạch

- Rà soát việc thực hiện Quy hoạch tỉnh đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhằm đánh giá các nội dung đã đạt được, chưa đạt được, các nội dung cần bổ sung để phù hợp với các chủ trương, định hướng mới của Đảng và Nhà nước. Trên cơ sở đó làm rõ các nội dung cần điều chỉnh Quy hoạch tỉnh thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Xác định các quan điểm, mục tiêu phát triển, nhiệm vụ và giải pháp để đẩy mạnh việc thực hiện các khâu đột phá về phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050, bảo đảm phát triển nhanh và bền vững.

- Tổ chức không gian phát triển thống nhất, hiệu quả trên cơ sở kết nối đồng bộ hệ thống hạ tầng, gắn với khai thác, sử dụng bền vững tài nguyên thiên

nhiên; phát triển các ngành, các vùng trọng điểm gắn với việc huy động, phân bổ và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh.

- Tạo cơ sở để lập, điều chỉnh các quy hoạch đô thị và nông thôn, quy hoạch có tính chất kỹ thuật, chuyên ngành đáp ứng yêu cầu sắp xếp đơn vị hành chính và tổ chức chính quyền địa phương 2 cấp, bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, chiến lược, lâu dài của hệ thống quy hoạch.

- Lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đưa Thanh Hóa trở thành một trong những trung tâm lớn của khu vực và cả nước về công nghiệp năng lượng, công nghiệp chế biến, chế tạo, nông nghiệp quy mô lớn giá trị gia tăng cao, du lịch, dịch vụ logistics; là công cụ để Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh lãnh đạo, chỉ đạo và quản lý, hoạch định chính sách bảo đảm tính khách quan, khoa học, thúc đẩy động lực phát triển giai đoạn 2026 - 2030, phấn đấu đến năm 2030, Thanh Hóa trong nhóm những tỉnh dẫn đầu cả nước, đến năm 2050 trở thành tỉnh giàu đẹp, văn minh, hạnh phúc.

2.3. Nguyên tắc lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh

- Thực hiện theo đúng quy định của pháp luật về quy hoạch, bảo đảm tính phù hợp, đồng bộ, thống nhất và tính kế thừa quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Xác định rõ, cụ thể nội dung mâu thuẫn, chưa phù hợp trong Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 với quy hoạch tổng thể quốc gia, các quy hoạch cấp quốc gia và quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ.

- Xác định rõ quan điểm, mục tiêu phát triển, phương án và tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa sau khi thực hiện mô hình chính quyền địa phương 02 cấp, trên cơ sở kế thừa quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt.

2.4. Yêu cầu về nội dung lập điều chỉnh quy hoạch

- Điều chỉnh quy hoạch tỉnh bảo đảm định hướng phát triển, tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa phải đồng bộ, thống nhất với quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, quy hoạch ngành đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, hướng tới mục tiêu phát triển bền vững, phù hợp với bối cảnh hội nhập quốc tế và các cam kết trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương mà Việt Nam là thành viên.

- Điều chỉnh quan điểm, mục tiêu phát triển của tỉnh bảo đảm tính phù hợp và phát huy tối đa lợi thế của địa phương. Phân bổ phát triển không gian thống nhất giữa kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, phân bổ đất đai và bảo vệ môi trường. Phân bổ, khai thác và sử dụng hợp lý, hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên và bảo tồn các di tích lịch sử, văn hoá trên địa bàn tỉnh.

- Có sự liên kết, đồng bộ với quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng và khai thác, sử dụng tối đa kết cấu hạ tầng hiện có; phát huy tối đa tiềm năng, lợi thế của tỉnh gắn với tiến bộ công bằng xã hội, bảo đảm an sinh xã hội, quốc

phòng, an ninh, cân bằng và hài hoà phát triển kinh tế - xã hội - môi trường.

- Bảo đảm giảm thiểu các tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế - xã hội đến sinh kế cộng đồng, những đối tượng dễ bị tổn thương (người cao tuổi, người khuyết tật, người dân tộc thiểu số, phụ nữ và trẻ em); thúc đẩy phát triển các khu vực khó khăn, đặc biệt khó khăn và khu vực biên giới; bảo đảm hài hoà lợi ích giữa các chủ thể (Nhà nước, cộng đồng và doanh nghiệp); bảo đảm cân đối nguồn lực công bằng và hài hoà lợi ích phát triển giữa các khu vực, địa phương sau sáp nhập.

- Bảo đảm quyền được tham gia ý kiến của các cơ quan, tổ chức, cộng đồng dân cư trong quá trình lập điều chỉnh quy hoạch; bảo đảm tính khoa học, ứng dụng công nghệ hiện đại trong quá trình lập điều chỉnh quy hoạch; đáp ứng được các tiêu chuẩn, quy chuẩn và phù hợp với yêu cầu phát triển và hội nhập quốc tế sâu rộng của đất nước.

- Nội dung điều chỉnh quy hoạch tỉnh được thể hiện bằng báo cáo điều chỉnh quy hoạch; hệ thống sơ đồ, bản đồ và cơ sở dữ liệu điều chỉnh quy hoạch theo quy định.

IV. NỘI DUNG LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

1. Nội dung 1: Phân tích, đánh giá điều kiện tự nhiên, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh; phân tích, đánh giá thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất; hiện trạng hệ thống đô thị và nông thôn, hiện trạng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, không gian ngầm; hiện trạng môi trường, khai thác, sử dụng, bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

1.1. Phân tích đánh giá vị trí địa lý, điều kiện tự nhiên, xã hội

- Vị trí địa lý: Rà soát, phân tích, làm rõ các giá trị về vị trí địa kinh tế - chính trị của Thanh Hóa và đánh giá tổng hợp những yếu tố thuận lợi, khó khăn và thách thức trong khai thác của vị trí địa kinh tế - chính trị này cho sự phát triển của tỉnh trong những năm tới, trong đó tập trung phân tích, xác định rõ vị trí, vai trò của tỉnh đối với vùng Bắc Trung Bộ, đặc biệt là vị trí về tham gia và kết nối giữa Thanh Hóa trong các tuyến hành lang kinh tế và các cực tăng trưởng của cả nước, nhất là trong bối cảnh sáp nhập các tỉnh hiện nay.

- Điều kiện tự nhiên: Cập nhật, bổ sung phân tích hiện trạng và tác động của địa hình, địa chất, thổ nhưỡng, khí hậu, thủy văn, tài nguyên nước đến phát triển kinh tế - xã hội và môi trường trong thời kỳ quy hoạch.

- Điều kiện xã hội: Cập nhật, bổ sung và dự báo, đánh giá được các điều kiện xã hội có ảnh hưởng đến sự phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ quy hoạch, gồm: dân số, nguồn nhân lực trong thời kỳ quy hoạch, các yếu tố, giá trị về văn hoá, xã hội cho phát triển kinh tế - xã hội, nhất là phát triển du lịch, dịch vụ,...

- Tài nguyên thiên nhiên: Cập nhật, bổ sung đánh giá về tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên biển và khoáng sản.

+ Phân tích, đánh giá làm rõ được trữ lượng, chất lượng và hiện trạng phân bố các tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh và dự báo khả năng khai thác, huy động cho phát triển của tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ quy hoạch;

+ Phân tích, đánh giá được thực trạng công tác quản lý, bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên thiên nhiên trên địa bàn tỉnh;

+ Đánh giá tổng hợp những thuận lợi, khó khăn và cơ hội, thách thức về bảo vệ, khai thác, sử dụng tài nguyên thiên nhiên cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ quy hoạch. Cụ thể đối với các loại tài nguyên chủ yếu: tài nguyên đất, tài nguyên nước, tài nguyên rừng, tài nguyên biển và tài nguyên khoáng sản.

- Môi trường và đa dạng sinh học:

+ Cập nhật, bổ sung phân tích, đánh giá thực trạng, diễn biến chất lượng môi trường và đa dạng sinh học môi trường nước, môi trường không khí, môi trường đất, môi trường biển, chất thải rắn, đa dạng sinh học;

+ Cập nhật, bổ sung phân tích, đánh giá thực trạng công tác bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học trong quy hoạch tỉnh;

+ Cập nhật, bổ sung phân tích, đánh giá bối cảnh và dự báo tác động đến phương án bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học;

+ Xác định những nội dung về bảo vệ môi trường trong Quy hoạch tỉnh không còn phù hợp với bối cảnh phát triển mới.

1.2. Vị thế, vai trò của tỉnh đối với vùng, quốc gia

- Cập nhật, bổ sung phân tích, đánh giá mức độ đóng góp của tỉnh vào sự phát triển chung của vùng Bắc Trung Bộ và với cả nước.

- Cập nhật, bổ sung phân tích, đánh giá làm rõ vai trò của tỉnh Thanh Hóa trong mối quan hệ liên kết, thúc đẩy hợp tác cùng phát triển đối với các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và cả nước.

- Cập nhật, bổ sung phân tích, đánh giá làm rõ khả năng và định hướng liên kết, hợp tác phát triển với các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ và cả nước.

1.3. Các yếu tố, điều kiện của vùng, quốc gia, quốc tế tác động đến phát triển của tỉnh

- Cập nhật, bổ sung phân tích, đánh giá làm rõ các yếu tố, điều kiện tự nhiên của vùng Bắc Trung Bộ, các địa phương lân cận giáp Thanh Hóa và các hành lang kinh tế trong và ngoài nước và các địa phương khác có liên quan tác động đến sự phát triển của tỉnh Thanh Hóa, các vấn đề liên quan về môi trường, địa giới hành chính,...

- Cập nhật, bổ sung phân tích, đánh giá làm rõ các yếu tố, điều kiện trong nước và quốc tế (các mối quan hệ về kinh tế, thương mại, dịch vụ, du lịch,...) tác động đến sự phát triển của tỉnh Thanh Hóa.

- Cập nhật, bổ sung phân tích, đánh giá tác động của các chủ trương, chính sách của Nhà nước về quản lý phát triển kinh tế nói chung và quản lý phát triển vùng nói riêng.

- Cập nhật, bổ sung phân tích, đánh giá tác động của việc thực hiện các chương trình, dự án đầu tư phát triển quy mô vùng, liên vùng, quốc gia có liên quan, ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (ví dụ: Quy hoạch mở rộng Khu kinh tế Nghi Sơn; hệ thống giao thông kết nối trong vùng và cả nước; các dự án thăm dò khai thác khoáng sản;...).

- Cập nhật, bổ sung các yếu tố, điều kiện khác (nếu có).

1.4. Các nguy cơ và tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa

- Cập nhật, bổ sung phân tích, đánh giá diễn biến của thiên tai, biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh thời kỳ vừa qua.

- Cập nhật, bổ sung dự báo được các nguy cơ, diễn biến của thiên tai, biến đổi khí hậu có thể xảy ra trong thời kỳ quy hoạch và những tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu đến sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh thời kỳ quy hoạch.

1.5. Đánh giá hiện trạng chung phát triển kinh tế và khả năng huy động nguồn lực

Yêu cầu phân tích, đánh giá chung về quy mô và tốc độ, chất lượng tăng trưởng kinh tế; phân tích, đánh giá chung về cơ cấu và chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo thành phần kinh tế, theo ngành, theo lãnh thổ,...; tình hình xuất nhập khẩu,...

1.6. Hiện trạng phát triển ngành nông, lâm, thủy sản

Yêu cầu việc đánh giá thực trạng phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản phải được đánh giá tổng thể ngành và từng phân ngành (trồng trọt, chăn nuôi, thủy sản và lâm nghiệp) ở một số nội dung chủ yếu: Về trình độ khoa học - công nghệ, hệ thống cơ sở hạ tầng, thị trường và kênh tiêu thụ nông, lâm, thủy hải sản,... trên địa bàn tỉnh, cụ thể:

- + Yêu cầu phân tích, đánh giá chung về tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản;

- + Yêu cầu phân tích, đánh giá các phân ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản (khả năng sản xuất của từng phân ngành nông nghiệp, thị phần của sản phẩm và mức độ cạnh tranh trên thị trường,...);

- + Yêu cầu phân tích, đánh giá tổ chức sản xuất và đầu tư cho nông, lâm nghiệp và thủy sản;

- + Yêu cầu phân tích, đánh giá thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản áp dụng trên địa bàn tỉnh;

- + Yêu cầu phân tích, đánh giá và xác định một số sản phẩm nông, lâm nghiệp và thủy sản có tiềm năng, triển vọng phát triển trong những năm tới;

+ Yêu cầu phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức (SWOT) đối với phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh.

1.7. Hiện trạng phát triển ngành công nghiệp và xây dựng

- Yêu cầu phân tích, đánh giá về tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu ngành công nghiệp - xây dựng;

- Yêu cầu phân tích, đánh giá một số phân ngành công nghiệp - xây dựng chủ yếu, bao gồm ngành khai khoáng, ngành năng lượng và ngành công nghiệp chế biến chế tạo (khả năng sản xuất của từng phân ngành công nghiệp, thị trường của sản phẩm và mức độ cạnh tranh trên thị trường,...);

- Yêu cầu phân tích, đánh giá và xác định một số sản phẩm công nghiệp - xây dựng có tiềm năng, triển vọng phát triển trong những năm tới;

- Yêu cầu phân tích, đánh giá thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển ngành công nghiệp - xây dựng áp dụng trên địa bàn tỉnh;

- Phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức (SWOT) đối với phát triển ngành công nghiệp - xây dựng của tỉnh; những vấn đề đặt ra cho phát triển công nghiệp – xây dựng của tỉnh trong giai đoạn tới.

1.8. Hiện trạng phát triển ngành dịch vụ

- Yêu cầu phân tích, đánh giá về tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu các ngành dịch vụ;

- Yêu cầu phân tích, đánh giá một số ngành dịch vụ chủ yếu, bao gồm: dịch vụ du lịch, dịch vụ thương mại, dịch vụ vận tải và kho bãi, dịch vụ ngân hàng, tài chính và bảo hiểm;

- Yêu cầu phân tích, đánh giá thực trạng tổ chức, phân bố không gian phát triển các ngành dịch vụ trên địa bàn tỉnh về tính hợp lý, hiệu quả sử dụng không gian;

- Yêu cầu phân tích, đánh giá thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển ngành dịch vụ áp dụng trên địa bàn tỉnh;

- Yêu cầu phân tích, đánh giá và xác định một số sản phẩm dịch vụ có tiềm năng, triển vọng phát triển trong những năm tới;

- Yêu cầu phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức (SWOT) đối với phát triển các ngành dịch vụ của tỉnh; những vấn đề đặt ra cho phát triển các ngành dịch vụ của tỉnh trong giai đoạn tới.

1.9. Hiện trạng phát triển ngành kinh tế biển

Việc phân tích, đánh giá thực trạng phát triển ngành kinh tế biển phải làm rõ được chỉ tiêu của ngành trong tổng thể nền kinh tế về:

- Cập nhật số đơn vị xã, phường ở ven biển (do bỏ cấp huyện), dân số sống ven biển và đóng góp vào tổng thu ngân sách địa phương của tỉnh;

- Yêu cầu phân tích, đánh giá về tăng trưởng và chuyển đổi cơ cấu các

ngành kinh tế biển;

- Yêu cầu phân tích, đánh giá về đầu tư của tỉnh cho các ngành kinh tế biển và cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển kinh tế biển;

- Yêu cầu phân tích, đánh giá thực hiện các cơ chế, chính sách phát triển ngành kinh tế biển áp dụng trên địa bàn tỉnh;

- Yêu cầu phân tích, đánh giá và xác định một số sản phẩm dịch vụ có tiềm năng, triển vọng phát triển trong những năm tới;

- Yêu cầu phân tích, đánh giá những thuận lợi, khó khăn, cơ hội và thách thức (SWOT) đối với phát triển các ngành kinh tế biển của tỉnh; những vấn đề đặt ra cho phát triển các ngành dịch vụ của tỉnh trong giai đoạn tới.

1.10. Hiện trạng huy động và sử dụng nguồn lực

- Phân tích, đánh giá chung về thu - chi;

- Phân tích đánh giá chung về tình hình thu hút và sử dụng vốn đầu tư;

- Phân tích, đánh giá chung về môi trường đầu tư, kinh doanh.

1.11. Thực trạng phát triển lĩnh vực giáo dục, đào tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng

- Yêu cầu phân tích, đánh giá thực trạng về số lượng, chất lượng mạng lưới các cơ sở giáo dục (bao gồm giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp đến giáo dục đại học);

- Yêu cầu phân tích, đánh giá năng lực đào tạo và mức độ đáp ứng của các cơ sở giáo dục và nhu cầu đào tạo nhân lực giai đoạn vừa qua;

- Yêu cầu dự báo nhu cầu về số lượng, chất lượng nguồn nhân lực của tỉnh đến năm 2030 và 2050;

- Yêu cầu tổng hợp, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân; xác định những vấn đề đặt ra đối với lĩnh vực giáo dục, đào tạo của tỉnh trong giai đoạn tới (về thể chế, cơ chế, chính sách; đầu tư phát triển; những vấn đề xung đột liên vùng, liên ngành,...).

1.12. Thực trạng phát triển lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe

- Yêu cầu phân tích, đánh giá thực trạng về số lượng, chất lượng khám chữa bệnh các cơ sở khám chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe Nhân dân; thực trạng đầu tư trang thiết bị, kỹ thuật công nghệ phục vụ khám chữa bệnh của các cơ sở y tế; thực trạng nhân lực ngành y tế (số lượng, trình độ);

- Yêu cầu phân tích, đánh giá khả năng, mức độ đáp ứng nhu cầu khám chữa bệnh và chăm sóc sức khỏe của các cơ sở y tế trên địa bàn tỉnh;

- Yêu cầu tổng hợp, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân; xác định những vấn đề đặt ra đối với các lĩnh vực y tế và chăm sóc sức khỏe Nhân dân của tỉnh trong giai đoạn tới (về thể chế, cơ chế, chính sách; đầu tư phát triển; những vấn đề xung đột liên vùng, liên ngành,...).

1.13. Thực trạng dân số, việc làm và an sinh xã hội

- Yêu cầu phân tích, đánh giá thực trạng dân số, thực trạng khả năng đáp ứng nhu cầu về việc làm cho người lao động trên địa bàn;
- Yêu cầu phân tích, đánh giá thực trạng an sinh xã hội;
- Yêu cầu tổng hợp, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân; xác định những vấn đề đặt ra đối với các lĩnh vực dân số, việc làm và an sinh xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới (về thể chế, cơ chế, chính sách; đầu tư phát triển; những vấn đề xung đột liên vùng, liên ngành,...);

1.14. Thực trạng phát triển lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo

- Yêu cầu phân tích, đánh giá thực trạng hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh về nghiên cứu, ứng dụng trong thực tiễn trong các ngành, lĩnh vực kinh tế - xã hội và thực trạng tiềm lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh;
- Yêu cầu phân tích, đánh giá khả năng, mức độ đáp ứng của các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo cho phát triển kinh tế - xã hội và phát triển thị trường và hội nhập quốc tế về khoa học công nghệ của tỉnh;
- Yêu cầu tổng hợp, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân; xác định những vấn đề đặt ra đối với các lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo của tỉnh trong giai đoạn tới (về thể chế, cơ chế, chính sách; đầu tư phát triển; những vấn đề xung đột liên vùng, liên ngành,...).

1.15. Thực trạng phát triển lĩnh vực thông tin, truyền thông

- Yêu cầu phân tích, đánh giá thực trạng, chất lượng hoạt động thông tin, truyền thông trên địa bàn tỉnh giai đoạn qua;
- Yêu cầu phân tích, đánh giá thực trạng đầu tư hệ thống hạ tầng thông tin, truyền thông trong giai đoạn vừa qua;
- Yêu cầu phân tích, đánh giá khả năng, mức độ đáp ứng nhu cầu của hệ thống hạ tầng thông tin, truyền thông đáp ứng nhu cầu của Nhân dân;
- Yêu cầu tổng hợp, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân; xác định những vấn đề đặt ra đối với các lĩnh vực thông tin, truyền thông của tỉnh trong giai đoạn tới (về thể chế, cơ chế, chính sách; đầu tư phát triển; những vấn đề xung đột liên vùng, liên ngành,...).

1.16. Thực trạng phát triển lĩnh vực văn hoá, thể thao

- Yêu cầu phân tích, đánh giá thực trạng, chất lượng hoạt động văn hoá, thể thao của tỉnh và thực trạng nhân lực hoạt động trong lĩnh vực văn hoá, thể thao;
- Yêu cầu phân tích, đánh giá thực trạng đầu tư hệ thống hạ tầng, thiết chế văn hoá, thể thao trong giai đoạn vừa qua;

- Yêu cầu phân tích, đánh giá khả năng, mức độ đáp ứng nhu cầu của hệ thống hạ tầng, thiết chế văn hoá, thể thao đáp ứng nhu cầu thụ hưởng của người dân;

- Yêu cầu tổng hợp, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân; xác định những vấn đề đặt ra đối với các lĩnh vực văn hoá, thể thao của tỉnh trong giai đoạn tới (về thể chế, cơ chế, chính sách; đầu tư phát triển; những vấn đề xung đột liên vùng, liên ngành,...).

1.17. Thực trạng hoạt động quốc phòng, an ninh

- Yêu cầu rà soát, đánh giá thực trạng hoạt động quốc phòng hiện nay trên địa bàn tỉnh;

- Yêu cầu rà soát, đánh giá thực trạng hoạt động an ninh hiện nay trên địa bàn tỉnh.

- Hiện trạng phát triển hệ thống cửa khẩu đường bộ.

1.18. Thực trạng phát triển đối ngoại và hội nhập quốc tế

1.19. Đánh giá tiềm năng đất đai và hiện trạng sử dụng đất của tỉnh, tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất của tỉnh

- Việc đánh giá tiềm năng đất đai của tỉnh Thanh Hóa nhằm cập nhật, bổ sung tài nguyên đất đai của tỉnh, đánh giá khả năng huy động và khai thác, sử dụng cho các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh trong kỳ quy hoạch;

- Việc đánh giá hiện trạng sử dụng đất, cần tập trung đánh giá tính hợp lý và hiệu quả sử dụng đất cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn vừa qua;

- Yêu cầu tổng hợp, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân trong khai thác, sử dụng đất thời gian qua; xác định những vấn đề đặt ra đối với quản lý, khai thác, sử dụng đất đai phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới (về thể chế, cơ chế, chính sách; đầu tư phát triển; những vấn đề xung đột liên vùng, liên ngành,...).

1.20. Thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn

Việc đánh giá thực trạng phát triển của hệ thống đô thị và nông thôn của tỉnh Thanh Hóa cần tập trung phân tích, làm rõ sự phù hợp bố trí không gian, hiệu quả tổ chức không gian,... các nội dung sau:

- Yêu cầu phân tích, đánh giá thực trạng phân bố không gian phát triển của hệ thống đô thị và nông thôn trên địa bàn tỉnh về tính hợp lý, quản lý phát triển và hiệu quả sử dụng không gian (được thể hiện cụ thể trên bản đồ), rà soát, cập nhật so với phương án quy hoạch hệ thống đô thị và nông thôn trên địa bàn;

- Yêu cầu tổng hợp, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân trong phân bố phát triển không gian của hệ thống đô thị và nông thôn thời gian qua; xác định những vấn đề đặt ra đối với phân bố phát triển không gian của hệ thống

đô thị và nông thôn của tỉnh trong giai đoạn tới (về thể chế, cơ chế, chính sách; đầu tư phát triển; những vấn đề xung đột liên vùng, liên ngành,...);

1.21. Thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của các khu chức năng

Việc đánh thực trạng bố trí không gian, phân khu chức năng phát triển của tỉnh Thanh Hóa cần tập trung phân tích, làm rõ sự phù hợp bố trí không gian, hiệu quả tổ chức không gian của quy hoạch thời kỳ trước..., rà soát, cập nhật so với phương án phát triển không gian các khu chức năng trên địa bàn tỉnh.

1.22. Thực trạng phát triển và sự phù hợp về phân bố phát triển không gian của hệ thống hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và hạ tầng xã hội

Việc đánh thực trạng bố trí không gian phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng của tỉnh Thanh Hóa cần tập trung phân tích, làm rõ (i) sự phù hợp bố trí không gian, hiệu quả tổ chức không gian kết nối hạ tầng; (ii) rà soát, cập nhật so với phương án phát triển kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh; (iii) phân tích, đánh giá sự liên kết, tính đồng bộ giữa kết cấu hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và hạ tầng xã hội trong tỉnh với các địa phương trong vùng Bắc Trung Bộ, cả nước và quốc tế và giữa hệ thống kết cấu hạ tầng của các ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh với nhau và (iv) Yêu cầu tổng hợp, đánh giá những ưu điểm, hạn chế, nguyên nhân trong phân bố không gian của hệ thống hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và hạ tầng xã hội thời gian qua; xác định những vấn đề đặt ra đối với phân bố không gian của hệ thống hạ tầng kinh tế - kỹ thuật và hạ tầng xã hội của tỉnh trong giai đoạn tới (về thể chế, cơ chế, chính sách; đầu tư phát triển; những vấn đề xung đột liên vùng, liên ngành,...) ở các lĩnh vực sau:

- Hạ tầng giao thông vận tải;
- Hạ tầng cấp điện;
- Hạ tầng viễn thông;
- Hạ tầng thủy lợi, cấp nước, thoát nước;
- Hạ tầng văn hóa, thể thao và du lịch;
- Hạ tầng giáo dục và đào tạo;
- Hạ tầng y tế, an sinh xã hội;
- Hạ tầng thương mại, dịch vụ;
- Hạ tầng khoa học và công nghệ;
- Hạ tầng phòng cháy, chữa cháy (PCCC);
- Hạ tầng kỹ thuật bảo vệ môi trường.

1.23. Cập nhật, bổ sung những tồn tại, hạn chế cần giải quyết; phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức

- Cập nhật, bổ sung những tồn tại, hạn chế cần giải quyết và phân tích, đánh giá điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, thách thức trong quá trình phát triển kinh

tế - xã hội của tỉnh Thanh Hóa thời gian vừa qua, yêu cầu tổng hợp, đánh giá làm rõ ở một số nội dung sau:

+ Cập nhật, bổ sung những thuận lợi, cơ hội và lợi thế từ thực trạng phát triển kinh tế - xã hội giai đoạn 2021 - 2030 và dự báo khả năng khai thác những thuận lợi, cơ hội và lợi thế này cho quá trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch đến năm, tầm nhìn đến năm 2050;

+ Cập nhật, bổ sung những khó khăn, tồn tại và thách thức, trong đó cần xác định những được những điểm nghẽn, nút thắt, những vấn đề gây cản trở, hạn chế sự phát triển của tỉnh và dự báo khả năng giải quyết các khó khăn, tồn tại và chuyển đổi các thách thức thành cơ hội cho sự phát triển của tỉnh thời kỳ quy hoạch;

+ Cập nhật, bổ sung nguyên nhân của cả những thành công và chưa thành công trong quá trình khai thác các tiềm năng, lợi thế, giải quyết các khó khăn, hạn chế và chuyển đổi các thách thức thành cơ hội phát triển của tỉnh trong thời gian vừa qua và rút ra các bài học kinh nghiệm cần thiết cho giai đoạn tới.

2. Nội dung 2: Xây dựng các kịch bản và lựa chọn kịch bản phát triển

- Xác định các kịch bản phát triển, thảo luận để tìm ra kịch bản cơ sở triển khai các phương án phát triển.

- Dựa trên phương pháp chuyên gia kết hợp với phương pháp mô hình hóa toán học đề xuất tối thiểu 3 phương án phát triển kinh tế khác nhau, trong đó xác định 2 phương án ưu tiên (phương án chọn và phương án dự phòng).

+ Phương án chọn: Luận chứng phân tích và đề xuất lựa chọn một phương án phát triển hợp lý và đảm bảo tính khả thi để làm cơ sở triển khai thực hiện;

+ Phương án dự phòng: Bổ sung luận chứng cho phương án dự phòng (phương án thấp trong điều kiện khó khăn) làm cơ sở triển khai giải pháp mạnh để thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Nội dung 3: Điều chỉnh quan điểm, mục tiêu và tầm nhìn phát triển

3.1. Điều chỉnh quan điểm về phát triển tỉnh, tổ chức, sắp xếp không gian các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng - an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ điều chỉnh quy hoạch

Nghiên cứu, xây dựng và điều chỉnh quan điểm phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Thanh Hóa phải thể hiện rõ quan điểm, tư tưởng phát triển ở một số nội dung chính như sau:

- Phù hợp, đồng bộ với chủ trương phát triển của Đảng và Nhà nước, với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành quốc gia, quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ;

- Đảm bảo tính hợp lý, cân đối và phát huy tối đa tiềm năng, thế mạnh, nội lực của mỗi vùng trong tỉnh; khai thác không gian phát triển hiệu quả, quan

tâm đến khai thác không gian ngầm phục vụ phát triển; phù hợp với quá trình sắp xếp, tổ chức các đơn vị hành chính hai cấp trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa;

- Việc lập điều chỉnh quy hoạch là trách nhiệm của cả hệ thống chính trị, là quyền và nghĩa vụ của mọi tổ chức, doanh nghiệp, cộng đồng dân cư và cá nhân trên địa bàn tỉnh. Là cơ sở để cơ cấu lại các ngành, lĩnh vực theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; tạo động lực để hoàn thiện thể chế;

- Giữ gìn và phát huy bản sắc văn hóa của các dân tộc đi đôi với việc xây dựng xã hội gắn kết thân thiện với môi trường. Tăng cường đầu tư vào bảo tồn và phát triển giá trị đa dạng sinh học và các hệ sinh thái địa phương; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu;

- Chủ động nâng cao hiệu quả hội nhập và hợp tác quốc tế, phát huy tốt nhất lợi thế, tiềm năng của tỉnh, đồng thời tận dụng tối đa các liên kết vùng và quốc gia để phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh;

- Phát triển kinh tế - xã hội đi đôi với tăng cường, củng cố quốc phòng an ninh, giữ vững ổn định chính trị và an toàn trật tự xã hội;

- Xác định chủ đề phát triển của tỉnh Thanh Hóa trong giai đoạn 2021-2030 phải toát lên được ý tưởng chủ đạo cho phát triển tỉnh Thanh Hóa và phù hợp với lợi thế và đặc thù của tỉnh;

- Xây dựng các quan điểm về phát triển tỉnh Thanh Hóa trong thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050;

- Xây dựng quan điểm về tổ chức, sắp xếp không gian phát triển các hoạt động kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh, phát triển kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa.

3.2. Xác định mục tiêu tổng quát phát triển tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050

Qua rà soát, đánh giá, cần bổ sung, điều chỉnh các mục tiêu cụ thể trong Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa phù hợp với mục tiêu phát triển của Đảng và Nhà nước, của Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ phù hợp và quy hoạch ngành, quy hoạch cấp quốc gia..., cụ thể như sau:

- Nghiên cứu, xây dựng các kịch bản phát triển và lựa chọn phương án mới phục vụ phát triển tỉnh Thanh Hóa, yêu cầu: Làm rõ kịch bản tăng trưởng, nhu cầu đầu tư, nhu cầu huy động nguồn lực theo các kịch bản tăng trưởng; các kịch bản được xây dựng cho thời kỳ 2026 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2050. Từ đó, luận chứng phương án phát triển được lựa chọn, bảo đảm tính phù hợp, tính khả thi và tính phấn đấu cao hơn so với mục tiêu của quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt;

- Các mục tiêu phát triển kinh tế: Quy mô và tốc độ tăng trưởng tổng sản phẩm trên địa bàn (GRDP), GRDP bình quân đầu người, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đóng góp và tăng trưởng năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP), kinh tế

số,...; tốc độ tăng năng suất lao động xã hội,...;

- Các mục tiêu phát triển xã hội: Tỷ lệ giảng viên bậc đại học có trình độ tiến sĩ trong tổng số giảng viên đại học; tỷ lệ sinh viên/vạn dân; tỷ lệ lao động qua đào tạo có bằng cấp, chứng chỉ; tỷ lệ thất nghiệp khu vực thành thị; tỷ trọng lao động nông nghiệp trong tổng lao động xã hội; tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều, về mức tăng việc làm, giảm đói nghèo, mức độ phổ cập về học vấn, tỷ lệ tăng dân số, tỷ lệ lao động qua đào tạo, mức giảm bệnh tật và tệ nạn xã hội,...

- Các mục tiêu sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường: Tỷ lệ thu gom và xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn, quy chuẩn theo quy định; mục tiêu về giảm lượng phát thải khí nhà kính, về giảm mức độ ô nhiễm môi trường và bảo đảm các yêu cầu về môi trường trong sạch theo tiêu chuẩn môi trường (tiêu chuẩn Việt Nam).

- Các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội gắn với đảm bảo quốc phòng - an ninh và trật tự an toàn xã hội: Căn cứ vào bối cảnh, diễn biến của tình hình quốc tế, các chương trình, dự án phát triển kinh tế biển,...

- Các mục tiêu về kết cấu hạ tầng: Mục tiêu về phát triển các hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và các khu chức năng trên địa bàn tỉnh,...

4. Nội dung 4: Điều chỉnh các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá phát triển trong thời kỳ quy hoạch

Cần nghiên cứu, xác định các nhiệm vụ trọng tâm cần giải quyết và các khâu đột phá của tỉnh trong thời kỳ quy hoạch, yêu cầu phải được luận chứng thể hiện rõ các nhiệm vụ cần giải quyết, cụ thể các nhiệm vụ chủ yếu như sau:

- Cụ thể hóa được các nhiệm vụ trọng tâm, các khâu đột phá của cả nước, của quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ trên địa bàn tỉnh, đảm bảo khai thác hiệu quả các tiềm năng, phù hợp với điều kiện và mục tiêu phát triển của tỉnh;

- Tập trung vào phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, hiện đại, tăng cường kết nối liên tỉnh và liên vùng; đẩy nhanh tiến độ, hoàn thành dứt điểm các công trình trọng điểm về giao thông, hạ tầng số, hạ tầng đô thị;

- Tập trung xây dựng và nâng cao hiệu quả hoạt động của các trung tâm đổi mới sáng tạo, khoa học công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp, thúc đẩy hoạt động chuyển giao công nghệ;

- Tập trung bảo tồn, khai thác và phát huy các giá trị văn hóa; phát triển các dịch vụ văn hóa gắn với phát triển du lịch; phát triển mạnh công nghiệp văn hóa trên cơ sở khai thác và phát huy các giá trị lịch sử, truyền thống;

- Đẩy nhanh tốc độ đô thị hóa; phát triển chuỗi đô thị gắn với phát triển kinh tế biển, liên kết chặt chẽ thông qua vành đai kinh tế ven biển;

- Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, định hướng đến năm 2050 cần xác định tiếp tục thực hiện các đột phá theo các nội dung sau:

- + Đột phá trong xây dựng và hoàn thiện thể chế trên cơ sở triển khai

nghiêm túc, hiệu quả và vận dụng sáng tạo các chủ trương, Nghị quyết của Trung ương, chính sách, pháp luật của Nhà nước, làm nền tảng, động lực để tỉnh Thanh Hóa vươn mình trong kỷ nguyên mới. Đổi mới mạnh mẽ tư duy phát triển; đổi mới mô hình quản trị từ quản lý sang chính quyền kiến tạo và phục vụ người dân, doanh nghiệp. Xây dựng tổ chức bộ máy chính quyền địa phương hai cấp tinh, gọn, mạnh, có nền công vụ hiệu năng, hiệu lực, hiệu quả; xây dựng chính quyền số; cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh và đổi mới sáng tạo;

- + Tạo sự đột phá trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng giao thông, thủy lợi, hạ tầng cảng - logistic, hạ tầng công nghiệp - thương mại - dịch vụ, hạ tầng số, các công trình phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu;

- + Đẩy mạnh phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số theo tinh thần Nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị; xem đây là động lực mới quan trọng thúc đẩy sự phát triển của tỉnh. Tăng cường đầu tư hạ tầng cho khoa học, công nghệ. Tập trung tháo gỡ các điểm nghẽn, thu hút các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính mạnh, khoa học công nghệ tiên tiến thuộc các lĩnh vực đầu tư vào địa bàn tỉnh.

- Đẩy mạnh phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ cho chuyển đổi cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp, nông nghiệp công nghệ cao và chuyển đổi số, chuyển đổi xanh. Đổi mới mạnh mẽ công tác cán bộ, nhất là cán bộ lãnh đạo quản lý, nâng tầm đội ngũ cán bộ, công chức ở các cấp; chú trọng đào tạo bồi dưỡng cán bộ trẻ, cán bộ người dân tộc thiểu số đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

5. Nội dung 5: Điều chỉnh Phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội; phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

5.1. Điều chỉnh phương hướng tổ chức không gian phát triển kinh tế - xã hội

Rà soát, điều chỉnh mô hình không gian phát triển mới trên cơ sở rà soát, kế thừa mô hình không gian của các giai đoạn trước, phù hợp với bối cảnh mới và kịch bản tăng trưởng kinh tế mới.

- Điều chỉnh tổ chức không gian theo các hành lang kinh tế.

- Điều chỉnh sắp xếp không gian phát triển cho các theo các hoạt động kinh tế.

- Định hướng sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã (thực hiện theo quy định hiện hành, nếu có). Bố trí không gian các công trình, dự án quan trọng, các vùng bảo tồn đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch cấp vùng trên địa bàn tỉnh. Xác định phương án kết nối hệ thống kết cấu hạ tầng. Xây dựng phương án tổ chức không gian các hoạt động kinh tế - xã hội của tỉnh, xác định khu vực khuyến khích phát triển và khu vực hạn chế phát triển. Lựa chọn phương án sắp xếp không gian và phân bổ nguồn lực cho các hoạt động kinh tế -

xã hội, quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường.

5.2. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực

5.2.1. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực quan trọng

a) Ngành công nghiệp

- Rà soát, điều chỉnh quan điểm, mục tiêu phát triển toàn ngành công nghiệp và từng ngành công nghiệp chủ lực của Thanh Hóa, tính toán lại quy mô và tăng trưởng thông qua các chỉ tiêu: chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP), năng suất lao động; tỷ lệ đóng góp vào GRDP,...; trong đó, tập trung ưu tiên phát triển các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có thế mạnh, có lợi thế cạnh tranh, có giá trị và có năng suất cao; định hướng một số ngành công nghiệp chủ yếu như sau: (1) Công nghiệp hóa dầu, hóa chất và chế biến sản phẩm từ hóa dầu, (2) Công nghiệp sản xuất, cung ứng điện, (3) Công nghiệp cơ khí, điện tử và sản xuất kim loại, (4) Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng, (5) Công nghiệp dệt may, giấy da;

- Điều chỉnh danh mục, định hướng một số ngành công nghiệp chủ lực, công nghiệp mũi nhọn của tỉnh Thanh Hóa và luận chứng, làm rõ khả năng, tiềm năng, phương hướng phát triển các ngành này trên địa bàn tỉnh;

- Điều chỉnh về phương hướng sắp xếp và tổ chức không gian phát triển ngành công nghiệp, trong đó bố trí không gian các dự án công nghiệp quan trọng đã được xác định ở quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn tỉnh;

- Điều chỉnh phương hướng sử dụng đất phát triển công nghiệp;

- Điều chỉnh danh mục các dự án công nghiệp ưu tiên đầu tư trong thời kỳ quy hoạch;

- Điều chỉnh hệ thống các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển công nghiệp có liên quan.

b) Ngành nông nghiệp

- Điều chỉnh mục tiêu tăng trưởng, phương án phát triển của ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản của tỉnh Thanh Hóa;

- Ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản được định hướng phát triển theo hướng hiện đại, xanh, tuần hoàn và thích ứng với biến đổi khí hậu, đóng vai trò một trong những trụ cột quan trọng của tăng trưởng kinh tế xanh tỉnh Thanh Hóa;

- Định hướng phát triển các lĩnh vực: Nông nghiệp (trồng trọt, chăn nuôi), lâm nghiệp, thủy sản;

- Định hướng phát triển các vùng nguyên liệu tập trung gắn với công nghiệp chế biến và xuất khẩu nông sản;

- Rà soát, điều chỉnh phương án phát triển lâm nghiệp theo vùng (vùng núi cao; vùng trung du, miền núi thấp; vùng đồng bằng, ven biển) phù hợp với mô hình chính quyền 2 cấp;

- Điều chỉnh định hướng phát triển, quy hoạch khu vực cấm khai thác thủy sản có thời hạn;
- Điều chỉnh định hướng phát triển, quy hoạch khu vực bảo vệ nguồn lợi thủy sản nội địa;
- Rà soát, điều chỉnh định hướng và quy hoạch các khu vực phát triển thủy sản đảm bảo không chồng lấn, mâu thuẫn với các quy hoạch khác;
- Rà soát, điều chỉnh các vùng phát triển rừng bền vững, rừng gỗ lớn và định hướng phát triển công nghiệp chế biến lâm sản gắn với quy hoạch các vùng trồng rừng nguyên liệu đảm bảo phù hợp với chỉ tiêu sử dụng đất, không chồng lấn với các quy hoạch khác;
- Điều chỉnh hệ thống các nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển nông, lâm nghiệp và thủy sản.

c) Ngành du lịch

- Rà soát, bổ sung, điều chỉnh tầm nhìn, mục tiêu, chỉ tiêu phát triển du lịch phù hợp với bối cảnh, xu hướng, các văn bản mới và định hướng của quốc gia, của tỉnh trong bối cảnh mới; trong đó: Tập trung phát triển du lịch trên ba loại hình du lịch chính, đó là: (1) Du lịch biển; (2) Du lịch sinh thái cộng đồng; (3) Du lịch tìm hiểu văn hóa, lịch sử.
- Rà soát, cập nhật và điều chỉnh định hướng thị trường, sản phẩm, cơ sở vật chất kỹ thuật du lịch, hạ tầng du lịch, nhân lực,... phù hợp với tổ chức lại không gian du lịch, phù hợp với các định hướng mới trong các Quy hoạch cấp cao hơn đã phê duyệt và tích hợp với các phương án phát triển khác trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh;
- Điều chỉnh tổ chức không gian phát triển du lịch:
 - + Rà soát, cập nhật và điều chỉnh tổ chức không gian phát triển du lịch theo ranh giới hành chính mới và tích hợp với các phương án phát triển khác trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh;
 - + Điều chỉnh lại phân vùng theo vùng chức năng (có thể là theo ranh giới xã hoặc cụm xã); Điều chỉnh phân bố các khu, điểm du lịch trong mỗi không gian phát triển du lịch phù hợp với phân bố tài nguyên, kết cấu hạ tầng, đô thị và các định hướng trong quy hoạch hệ thống du lịch quốc gia, quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ;
 - + Điều chỉnh các tuyến liên kết du lịch nội tỉnh và liên tỉnh;
 - + Điều chỉnh các trục hành lang phát triển du lịch trọng điểm kết nối giữa các xã trung tâm và xã vệ tinh.
- Cập nhật nhu cầu sử dụng đất phương án phát triển du lịch;
- Điều chỉnh giải pháp phát triển du lịch.

5.2.2. Phương hướng phát triển kinh tế biển (nếu có)

- Mục tiêu tăng trưởng và đóng góp của kinh tế biển vào GRDP tỉnh Thanh Hóa;

- Định hướng phát triển;
- Định hướng phát triển các ngành kinh tế biển;
- Phát triển khu kinh tế ven biển;
- Phát triển kết cấu hạ tầng biển và ven biển;
- Đảm bảo quốc phòng, an ninh, đối ngoại và hợp tác quốc tế về biển;
- Phân bổ sử dụng không gian biển.

5.2.3. Phương hướng phát triển các ngành, lĩnh vực khác

(1) Giáo dục và đào tạo, nguồn nhân lực chất lượng cao, lao động có kỹ năng

- Rà soát, điều chỉnh một số mục tiêu, định hướng phát triển giáo dục - đào tạo của tỉnh phù hợp với yêu cầu tăng trưởng hai con số cao hơn trước, đáp ứng yêu cầu trở thành trung tâm đổi mới sáng tạo, trí tuệ nhân tạo của vùng Bắc Trung Bộ.

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung các giải pháp phát triển giáo dục - đào tạo; trong đó cần rà soát điều chỉnh phân công nhiệm vụ trong lĩnh vực giáo dục - đào tạo cho chính quyền cấp xã phường sau khi hoàn thiện việc sắp xếp, tổ chức bộ máy mới.

(2) Y tế và chăm sóc sức khỏe

- Rà soát, điều chỉnh mục tiêu phát triển dân số như tỷ lệ tăng dân số bình quân giai đoạn 2021 - 2030, quy mô dân số đến 2030;

- Rà soát, điều chỉnh mục tiêu phát triển y tế như số bác sỹ/1 vạn dân; Số giường bệnh/1 vạn dân;

- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung định hướng phát triển của ngành, lĩnh vực y tế, theo hướng phân công, phân tuyến lại hoạt động của hệ thống y tế trên địa bàn tỉnh, chuyển từ hệ thống y tế 3 cấp sang 2 cấp; rà soát điều chỉnh định hướng phát triển lĩnh vực y tế, chăm sóc sức khỏe, ở cơ sở (trạm y tế xã, phường);

- Rà soát các giải pháp phát triển lĩnh vực y tế, trong đó cần rà soát điều chỉnh phân công nhiệm vụ trong lĩnh vực y tế cho chính quyền cấp xã phường sau khi hoàn thiện việc sắp xếp, tổ chức bộ máy mới.

(3) An sinh xã hội

Bổ sung cập nhật định hướng, mục tiêu về chăm sóc người có công, trẻ em, người yếu thêm... trên địa bàn tỉnh.

(4) Khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số (trụ cột tiềm năng)

- Bổ sung, cập nhật định hướng, mục tiêu phát triển, làm rõ vai trò tổ chức khoa học công nghệ trong quy hoạch tỉnh;

- Bổ sung, cập nhật giải pháp để thực hiện vai trò tổ chức khoa học công nghệ trong quy hoạch tỉnh.

(5) Thông tin, truyền thông

- Điều chỉnh phương án phát triển công nghiệp công nghệ số, an toàn an ninh mạng;

- Điều chỉnh các nhiệm vụ, giải pháp phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông.

(6) Văn hóa, thể thao

- Rà soát mục tiêu, phương án phát triển và tổ chức không gian phát triển thiết chế văn hoá, thể thao của tỉnh;

- Rà soát mục tiêu, phương án phát triển văn hóa, thể thao cấp cơ sở;

- Rà soát, điều chỉnh giải pháp quản lý phát triển lĩnh vực văn hoá, thể thao trên địa bàn tỉnh phù hợp với bối cảnh mới.

(7) Quốc phòng, an ninh

- Rà soát định hướng về quốc phòng trên địa bàn tỉnh, nhất là định hướng về biên giới trên biển, biên giới Lào;

- Rà soát định hướng về an ninh trên địa bàn tỉnh.

- Phương án phát triển hệ thống cửa khẩu đường bộ (thực hiện theo Quyết định số 1201/QĐ-TTg ngày 14/10/2023 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Quy hoạch cửa khẩu trên tuyến biên giới đất liền Việt Nam - Lào thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050).

(8) Phương hướng phát triển đối ngoại và hội nhập quốc tế.

6. Nội dung 6: Điều chỉnh phương hướng phát triển đô thị và nông thôn

a) Phương hướng phát triển hệ thống đô thị đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng;

b) Dự kiến hệ thống đô thị loại III của tỉnh; phương hướng phát triển chính cho từng đô thị loại III, bảo đảm kết nối với hệ thống đô thị đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng;

c) Phương hướng phát triển các đô thị và phát triển đô thị theo định hướng giao thông công cộng TOD (nếu có);

d) Xác định khu vực nông thôn; phương hướng phát triển khu vực nông thôn.

7. Nội dung 7: Điều chỉnh phương hướng phát triển các khu chức năng; phương án phát triển cụm công nghiệp, các vùng sản xuất nông

nghiệp tập trung

Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống khu chức năng phù hợp với mục tiêu tăng trưởng mới của tỉnh, chỉ tiêu sử dụng đất và mô hình tổ chức chính quyền hai cấp; tập trung vào các khu chức năng sau:

- Điều chỉnh phương án phát triển hệ thống khu kinh tế;
- Điều chỉnh lại phương án phát triển hệ thống khu công nghiệp và cụm công nghiệp:

+ Rà soát, điều chỉnh các KCN, CCN hiện nay đang hoạt động, khắc phục được các điểm nghẽn;

+ Rà soát, điều chỉnh các KCN, CCN trong quy hoạch thúc đẩy mục tiêu tăng trưởng mới.

- Nghiên cứu, bổ sung vùng sản xuất nông nghiệp tập trung, khu công nghệ cao chuyên ngành cấp vùng trên địa bàn tỉnh;

- Điều chỉnh phương án phát triển khu du lịch, thể thao về không gian, chức năng, nâng cấp hạ tầng và chất lượng phục vụ;

- Điều chỉnh phương án phát triển các khu nông nghiệp, lâm nghiệp ứng dụng công nghệ cao;

- Điều chỉnh phương án phát triển các khu, cụm, điểm du lịch;

- Điều chỉnh phương án phát triển các khu nghiên cứu, đào tạo;

- Điều chỉnh phương án phát triển các khu văn hóa, thể thao;

- Điều chỉnh phương án phát triển các trung tâm y tế, dịch vụ phục hồi sức khỏe;

- Điều chỉnh phương án phát triển quốc phòng, an ninh;

8. Nội dung 8: Phương hướng phát triển khu vực miền núi; vùng đồng bào dân tộc thiểu số, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn (nếu có)

9. Nội dung 9: Điều chỉnh phương án phát triển mạng lưới giao thông vận tải:

a) Phương hướng phát triển mạng lưới đường bộ cao tốc, đường quốc lộ, đường sắt, các tuyến đường thủy nội địa và đường hàng hải, các cảng biển, cảng hàng không, sân bay trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng;

b) Phương án phát triển mạng lưới đường tỉnh, đường liên xã;

c) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng cảng biển (nếu có), chi tiết đến bến cảng, cầu cảng, bến phao thuộc nhóm cảng biển, vùng đất, vùng nước;

d) Phương án phát triển kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa (nếu có), chi tiết đến bến hàng hóa, bến hành khách, bến tổng hợp, bến khách ngang sông,

bén chuyên dùng; vùng đất và vùng nước trước bến.

10. Nội dung 10: Điều chỉnh phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện, hạ tầng năng lượng bao gồm: định hướng phát triển nguồn điện, lưới điện, hạ tầng năng lượng trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia; phương hướng phát triển mạng lưới cấp điện, hạ tầng năng lượng của tỉnh.

- Điều chỉnh kết quả dự báo nhu cầu sử dụng điện cho mục đích phát triển kinh tế - xã hội đảm bảo an ninh - quốc phòng của tỉnh trong bối cảnh mới;

- Rà soát, cập nhật và đồng bộ phương án phát triển mạng lưới cấp điện trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa bảo đảm phù hợp với Quy hoạch điện quốc gia, quy hoạch vùng đã được phê duyệt và nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội;

- Phương án phát triển điện lực đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn và phương án phát triển nguồn, lưới điện của tỉnh.

11. Nội dung 11: Điều chỉnh phương hướng phát triển hạ tầng viễn thông, bao gồm: các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; phương án phát triển công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động; phương án phát triển công trình viễn thông của tỉnh.

- Điều chỉnh dự báo nhu cầu sử dụng hạ tầng thông tin, viễn thông cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Luận chứng phương án phát triển hạ tầng thông tin và truyền thông trên địa bàn tỉnh, bao gồm: cơ sở hạ tầng công nghệ thông tin, ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý nhà nước và các hoạt động kinh tế, xã hội, môi trường, quốc phòng, an ninh;

- Phương án phát triển các tuyến viễn thông quốc tế, quốc gia, liên tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn; phương án phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, công trình viễn thông quan trọng liên quan đến an ninh quốc gia và công trình viễn thông của tỉnh. Điều chỉnh phát triển hạ tầng kỹ thuật viễn thông thụ động, hạ tầng số theo hướng tăng cường hạ tầng 5G, IoT tại các khu vực trung tâm, khu công nghiệp, cụm công nghiệp. Điều chỉnh các Trung tâm theo hướng tinh gọn, thống nhất theo mô hình chính quyền 02 cấp.

12. Nội dung 12: Điều chỉnh phương hướng phát triển hệ thống thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước bao gồm công trình thủy lợi, hệ thống cấp nước, thoát nước trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; hệ thống thủy lợi và hệ thống cấp nước, thoát nước cấp tỉnh, liên xã; các đập, hồ chứa, công trình điều tiết, tích trữ

nước, phát triển nguồn nước có quy mô vừa và nhỏ.

- Điều chỉnh dự báo nhu cầu sử dụng nước cho các mục đích phát triển kinh tế - xã hội (các ngành sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, cấp nước sinh hoạt,...) và nhu cầu thoát nước của tỉnh đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Điều chỉnh phương án phát triển các công trình thủy lợi, đầu mối cấp, thoát nước, phân chia vùng theo kịch bản phát triển mới (quy mô dân số, định hướng các phát triển các ngành lĩnh vực, khu chức năng,...) đảm bảo đáp ứng nhu cầu cho tương lai và phù hợp với các đối tượng dùng nước ở khu vực đô thị, nông thôn.

13. Nội dung 13: Điều chỉnh phương hướng phát triển các khu xử lý chất thải, nghĩa trang, bao gồm: các khu xử lý chất thải, chất thải nguy hại trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia, quy hoạch vùng; các khu xử lý chất thải, khu nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng phạm vi liên xã.

Xây dựng phương án trên cơ sở kế thừa quy hoạch cấp trên, đồng thời rà soát, đánh giá hiện trạng (vị trí, quy mô, công suất, công nghệ, khả năng tiếp nhận); đánh giá sự phù hợp với phân vùng môi trường, định hướng phát triển và khoảng cách an toàn; dự báo nhu cầu xử lý chất thải; định hướng bố trí hệ thống theo vùng, liên xã bảo đảm hiệu quả, và lựa chọn công nghệ theo hướng giảm chôn lấp, tăng tái chế, tái sử dụng, thu hồi năng lượng.

14. Nội dung 14: Phương hướng phát triển hạ tầng phòng cháy, chữa cháy, bao gồm: hạ tầng phòng cháy, chữa cháy trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia; phương hướng phát triển mạng lưới trụ sở, doanh trại, công trình phục vụ phòng cháy và chữa cháy cấp tỉnh; phương hướng phát triển hệ thống cung cấp nước phục vụ phòng cháy và chữa cháy; hệ thống giao thông phục vụ phòng cháy và chữa cháy; hệ thống thông tin liên lạc phục vụ phòng cháy và chữa cháy trên địa bàn tỉnh.

15. Nội dung 15: Điều chỉnh Phương án phát triển hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá (nếu có), bao gồm: Hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia và hệ thống cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá của tỉnh.

16. Nội dung 16: Điều chỉnh phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng xã hội, bao gồm: hạ tầng xã hội trên địa bàn tỉnh đã được xác định trong quy hoạch cấp quốc gia; phương án phát triển hạ tầng xã hội cấp tỉnh, liên xã, gồm hạ tầng thương mại, hạ tầng y tế, hạ tầng giáo dục - đào tạo, giáo dục nghề nghiệp, hạ tầng các thiết chế văn hóa, thể thao, du lịch, hạ tầng các cơ sở bảo trợ xã hội, hạ tầng phục vụ phát triển khoa học và công nghệ.

- *Phương án phát triển mạng lưới cơ sở y tế và chăm sóc sức khỏe:* Điều chỉnh phương án phát triển hạ tầng y tế phù hợp với tổ chức mô hình chính

quyền địa phương 2 cấp, nhất là mục tiêu, định hướng phát triển mạng lưới y tế công lập ở cơ sở (trạm y tế xã, phường);

- Phương án phát triển mạng lưới cơ sở giáo dục và đào tạo:

+ Điều chỉnh phương án phát triển hạ tầng giáo dục - đào tạo phù hợp với yêu cầu phát triển của tỉnh trong bối cảnh tăng trưởng hai con số, khẳng định vị thế đối với vùng;

+ Rà soát, điều chỉnh định hướng phát triển mạng lưới các cơ sở giáo dục mầm non, phổ thông, giáo dục nghề nghiệp, giáo dục đại học theo mô hình chính quyền địa phương 2 cấp; đảm bảo phù hợp với chức năng quản lý nhà nước về giáo dục - đào tạo sau khi giáo dục nghề nghiệp được chuyển từ Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

- Phương án phát triển hạ tầng khoa học và công nghệ:

+ Điều chỉnh, bổ sung vào quy hoạch tỉnh nội dung cụ thể hóa về định hướng quy hoạch bố trí không gian cho tổ chức khoa học và các nội dung khác liên quan như phương hướng phát triển của lĩnh vực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, giải pháp thực hiện, định hướng sử dụng đất...;

+ Điều chỉnh, bổ sung quy hoạch khu công nghệ cao của tỉnh phù hợp với mục tiêu tăng trưởng, phát triển cao hơn trong kỳ quy hoạch;

+ Bổ sung phương án phát triển khu kinh tế số, khu thương mại tự do (trong đó xác định rõ: Mục tiêu, định hướng, chức năng, tổ chức thực hiện và giải pháp về phát triển khu kinh tế số; khu thương mại tự do; phương án phát triển khu kinh tế số, khu thương mại tự do trên bản đồ quy hoạch).

- Phương án phát triển hạ tầng văn hóa và thể thao (các thiết chế văn hóa, thể thao):

+ Điều chỉnh phương án phát triển hạ tầng văn hóa, bổ sung dự án bảo quản, tu bổ, tôn tạo, hỗ trợ chống xuống cấp các di sản văn hóa trên địa bàn tỉnh;

+ Nghiên cứu, điều chỉnh quy hoạch khu, tổ hợp công nghiệp văn hóa, sáng tạo phù hợp với định hướng phát triển công nghiệp văn hóa;

+ Điều chỉnh phương án phát triển hạ tầng văn hóa, thể thao phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền hai cấp;

+ Điều chỉnh mục tiêu, phương án phát triển hạ tầng văn hóa và thể thao cho cấp xã/phường.

- Phương án phát triển hạ tầng thương mại - dịch vụ:

+ Rà soát phương án đầu tư xây dựng một số kho, cảng xăng dầu, khí đốt đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050 (về công suất và diện tích đất có thể bố trí cho đầu tư xây dựng kho và cảng xăng dầu, khí đốt) phù hợp Quy hoạch hạ tầng dự trữ, cung ứng xăng dầu, khí đốt quốc gia thời kỳ 2021-2030;

+ Cập nhật, bổ sung phương án quy hoạch hệ thống chợ, trung tâm thương mại, siêu thị...;

- *Phương hướng phát triển vận tải - logistics và dịch vụ cảng (trụ cột tiềm năng)*: Mục tiêu phát triển; định hướng phát triển hạ tầng cảng, hạ tầng logistics và các trung tâm logistics; phát triển các dịch vụ logistics; phát triển doanh nghiệp logistics.

- *Phương án phát triển hạ tầng du lịch*: Xây dựng phương án phát triển hệ thống cơ sở lưu trú; Xây dựng phương án phát triển *hạ tầng kỹ thuật phục vụ du lịch* (sân bay, cảng, xe buýt, nhà ga đường sắt...).

17. Nội dung 17: Phương hướng phát triển không gian ngầm (nếu có), bao gồm: dự kiến khu vực khai thác, sử dụng không gian ngầm; khu vực hạn chế khai thác, sử dụng không gian ngầm; khu vực cấm xây dựng công trình ngầm.

18. Nội dung 18: Điều chỉnh định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh, bao gồm: định hướng sử dụng đất theo không gian và chức năng sử dụng đất theo chỉ tiêu sử dụng đất cho các ngành, lĩnh vực xác định tại quy hoạch sử dụng đất quốc gia đã được phân bổ cho tỉnh và phân bổ đến từng đơn vị hành chính cấp xã; nhu cầu sử dụng đất của các ngành, lĩnh vực, phù hợp với tiềm năng đất đai của địa phương để thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh.

- Rà soát, cân đối nhu cầu sử dụng đất và điều chỉnh tổng thể định hướng sử dụng đất của Thanh Hóa phù hợp với mục tiêu phấn đấu tăng trưởng hai con số để bước vào kỷ nguyên mới, khẳng định vị thế là tỉnh tiêu biểu, cực tăng trưởng của Vùng;

- Xác định, khoanh vùng và tổng hợp các chỉ tiêu sử dụng đất theo quy định pháp luật về đất đai trong định hướng sử dụng đất trên địa bàn tỉnh;

- Điều chỉnh phương án phân bổ các loại đất theo đơn vị hành chính mới (theo phương án sắp xếp đơn vị hành chính chính quyền 2 cấp);

- Điều chỉnh phương án chuyển đổi mục đích sử dụng đất;

- Điều chỉnh phương án thu hồi đất...

19. Nội dung 19: Điều chỉnh phương hướng bảo vệ môi trường, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học

a) Phương hướng về phân vùng môi trường đã được định hướng trong quy hoạch bảo vệ môi trường;

b) Xác định khu vực đa dạng sinh học cao, vùng đất ngập nước quan trọng, khu vực cảnh quan sinh thái quan trọng, cảnh quan thiên nhiên quan trọng, hành lang đa dạng sinh học, khu bảo tồn thiên nhiên, cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh;

c) Phương hướng về điểm, thông số, tần suất quan trắc môi trường đã được xác định trong quy hoạch bảo vệ môi trường;

d) Phương hướng quản lý về địa chất, khoáng sản.

20. Nội dung 20: Phương hướng bảo vệ, khai thác, sử dụng, tài nguyên rừng trên địa bàn tỉnh, bao gồm: phương án phát triển bền vững rừng đặc dụng, rừng phòng hộ, rừng sản xuất và phát triển kết cấu hạ tầng lâm nghiệp trên địa bàn tỉnh.

21. Nội dung 21: Điều chỉnh phương hướng khai thác, sử dụng, bảo vệ tài nguyên nước, phòng, chống và khắc phục tác hại do nước gây ra:

a) Phân vùng chức năng của nguồn nước mặt nội tỉnh;

b) Dự báo nhu cầu sử dụng nước trong thời kỳ quy hoạch; xác định tỷ lệ, thứ tự ưu tiên phân bổ trong trường hợp bình thường và hạn hán, thiếu nước; xác định nguồn nước dự phòng để cấp nước sinh hoạt;

c) Phương hướng đầu tư xây dựng mạng lưới quan trắc tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh.

22. Nội dung 22: Điều chỉnh phương hướng phòng, chống thiên tai và ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh:

a) Phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai trên địa bàn, bao gồm: xác định các loại hình thiên tai thường xuyên xảy ra trên địa bàn, tác động đến từng khu vực trên địa bàn; phân vùng rủi ro đối với từng loại hình thiên tai; lựa chọn kịch bản phòng, chống thiên tai bảo đảm phù hợp với kịch bản phát triển của tỉnh;

b) Điều chỉnh phương hướng phòng chống lũ của các tuyến sông có đê, bao gồm: xác định lũ thiết kế của tuyến sông có đê trên địa bàn; xác định các giải pháp kỹ thuật của phương án phòng chống lũ; dự kiến tác động môi trường và đề xuất biện pháp giảm thiểu; các giải pháp tổ chức thực hiện, sắp xếp theo thứ tự ưu tiên cho từng giai đoạn; phương hướng quản lý, sử dụng bãi sông;

c) Điều chỉnh phương hướng phát triển hệ thống đê điều, bao gồm: xác định tuyến đê; dự kiến vị trí, quy mô các công trình đầu mối hạ tầng trên tuyến đê;

d) Điều chỉnh phương hướng quản lý rủi ro thiên tai, thích ứng với biến đổi khí hậu, phương hướng phát triển kết cấu hạ tầng phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh.

23. Nội dung 23: Điều chỉnh giải pháp, dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch:

a) Giải pháp về huy động vốn đầu tư;

b) Giải pháp về phát triển nguồn nhân lực;

c) Giải pháp về môi trường;

d) Giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số;

đ) Giải pháp về cơ chế, chính sách liên kết phát triển;

- e) Giải pháp về quản lý, kiểm soát phát triển đô thị và nông thôn;
- g) Giải pháp về tổ chức thực hiện quy hoạch;
- h) Dự kiến nguồn lực thực hiện quy hoạch tỉnh.

24. Nội dung 24: Điều chỉnh hệ thống sơ đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch: Điều chỉnh, cập nhật theo phương án phát triển mới đối với hệ thống về sơ đồ quy hoạch, cơ sở dữ liệu quy hoạch tỉnh Thanh Hóa.

V. YÊU CẦU VỀ TÍNH KHOA HỌC, TÍNH THỰC TIỄN, ĐỘ TIN CẬY CỦA PHƯƠNG PHÁP TIẾP CẬN VÀ PHƯƠNG PHÁP LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

1. Xác định yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp tiếp cận lập điều chỉnh quy hoạch

Phương pháp tiếp cận lập điều chỉnh quy hoạch phải đảm bảo tính khoa học, phù hợp với thực tiễn và có độ tin cậy cao đáp ứng được một số yêu cầu sau:

1.1. Yêu cầu chung của phương pháp tiếp cận lập điều chỉnh quy hoạch

- Đảm bảo phù hợp và cụ thể hóa các bước đi của Chiến lược phát triển giai đoạn 2021-2030, quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch vùng, các nội dung tiếp cận đảm bảo nguyên tắc tích hợp, tính phù hợp của quy hoạch, cách thức tiến hành phù hợp với năng lực triển khai của các đối tượng tham gia vào quá trình xây dựng lập điều chỉnh quy hoạch;

- Tiếp cận tổng thể, quá trình triển khai lập điều chỉnh quy hoạch có sự phối hợp đảm bảo các yêu cầu tổng thể, các nhiệm vụ quy hoạch được thực hiện đảm bảo tính liên ngành, liên lãnh thổ, gắn với không gian, phương pháp phân tích tổng hợp kết hợp cả định lượng và định tính;

- Các nội dung lập điều chỉnh quy hoạch được thực hiện thông qua quá trình phối hợp, lựa chọn các bước đi và ưu tiên không gian phát triển trong từng giai đoạn phù hợp với nguồn lực huy động, đảm bảo nguyên tắc thị trường đạt hiệu quả tổng thể, lâu dài hướng tới các mục tiêu phát triển bền vững.

1.2. Một số phương pháp tiếp cận chủ yếu được sử dụng trong quá trình lập điều chỉnh quy hoạch

- Phương pháp tiếp cận từ đánh giá: điều chỉnh các dự báo về các yếu tố, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh, thực trạng phát triển kinh tế - xã hội, hiện trạng sử dụng đất, hiện trạng hệ thống đô thị, nông thôn, trong đó tập trung điều chỉnh đánh giá các tiềm năng của tỉnh và chỉ ra được khả năng, các điều kiện cần thiết để khai thác các tiềm năng, điều kiện phát triển đặc thù của tỉnh về vị trí địa kinh tế - chính trị, các cơ hội liên kết giữa tỉnh Thanh Hóa với vùng Bắc Trung Bộ và cả nước; về tài nguyên thiên nhiên (khí hậu, khoáng sản, đa dạng sinh học...); các giá trị về danh lam, thắng cảnh, di tích lịch sử, văn hoá, bản sắc văn hóa các dân tộc,... cho phát triển thời kỳ quy hoạch;

- Phương pháp tiếp cận tổng hợp, tích hợp: Yêu cầu đặt ra là trong quá trình lập điều chỉnh quy hoạch cần có sự phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong việc lập quy hoạch trên một phạm vi lãnh thổ xác định nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững;

- Phương pháp tiếp cận hệ thống, cân đối tổng thể: Yêu cầu đặt ra trong quá trình điều chỉnh các mục tiêu, phương án phát triển là cần xem xét sự tương thích giữa các mục tiêu và các cân bằng tổng thể của nền kinh tế tỉnh Thanh Hóa nhằm đảm bảo tính khả thi và hiệu quả trong quá trình thực hiện quy hoạch tỉnh.

Các cân bằng tổng thể cần được xem xét điều chỉnh bao gồm: Các yếu tố nguồn lực cần thiết để thực hiện quy hoạch, cơ cấu kinh tế; cơ cấu lao động, một số cân đối vĩ mô của nền kinh tế tỉnh (tích lũy - đầu tư, thu ngân sách - chi tiêu ngân sách, xuất - nhập khẩu...), một số chỉ tiêu kinh tế - xã hội quan trọng khác của thời kỳ quy hoạch;

- Phương pháp tiếp cận liên ngành được sử dụng để tính hiệu quả kinh tế, xã hội tổng hợp cho từng ngành và sau đó tiến hành so sánh giữa các ngành để lựa chọn ngành có hiệu quả cao nhất. Phương pháp tiếp cận liên ngành sử dụng mô hình cân đối liên ngành để lượng hóa tác động của mỗi ngành đối với tổng thể kinh tế, xã hội rồi sau đó so sánh lựa chọn ngành. Trong một số trường hợp có thể sử dụng phương pháp chồng lớp bản đồ, công cụ GIS để lựa chọn, nhất là lựa chọn trong các lâm nghiệp và nông nghiệp. Ngoài ra, có thể sử dụng thêm phương pháp chuyên gia, tổ chức các cuộc hội thảo, tọa đàm, tham vấn cộng đồng, các quy chuẩn, quy phạm ngành;

- Tiếp cận hai chiều từ trên xuống, từ dưới lên: Điều chỉnh quy hoạch tỉnh phải cập nhật, cụ thể hoá các mục tiêu, phương án phát triển của quy hoạch tổng thể quốc gia, quy hoạch ngành cấp quốc gia, quy hoạch vùng trên địa bàn, mặt khác quy hoạch tỉnh tính khái quát càng cao gắn liền với các chủ trương, định hướng lớn của tỉnh nên quá trình quy hoạch phải đảm bảo luôn được thực hiện theo nguyên tắc hai chiều, từ trên xuống và từ dưới lên;

- Tiếp cận đảm bảo nguyên tắc thị trường được sử dụng để đảm bảo quá trình lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh sẽ không tính toán quy mô, khối lượng các sản phẩm hàng hóa để đưa vào mục tiêu quy hoạch (chỉ đưa vào trong quá trình phân tích). Chỉ xác định các chức năng sử dụng chung, không xác định rõ tên dự án riêng theo chủ sở hữu. Các nội dung định hướng, dự báo, dự liệu các khả năng có thể xảy ra là các nội dung có tính chất sử dụng để tham khảo định tính, nắm bắt xu hướng như một yếu tố cấu thành để lựa chọn phương án tổng thể. Phương pháp tiếp cận này cũng đảm bảo tính “thông qua” của các yếu tố luân chuyển trong không gian quy hoạch, tạo thuận lợi cho quá trình liên kết và đảm bảo tính tự điều chỉnh về “cung- cầu”.

2. Xác định yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp lập điều chỉnh quy hoạch.

2.1. Yêu cầu về tính khoa học, tính thực tiễn, độ tin cậy của phương pháp lập điều chỉnh quy hoạch

- Phương pháp lập điều chỉnh quy hoạch phải phù hợp với thực tế của Việt Nam; tôn trọng và đảm bảo tính thị trường; bao hàm được tác động của khu vực và quốc tế; phát huy tối đa nội lực, khai thác hiệu quả nguồn lực từ bên ngoài; tính toán đầy đủ nguồn nội lực, chủ động trong mọi tình huống để phát triển hiệu quả và bền vững;

- Phương pháp lập điều chỉnh quy hoạch bảo đảm tính rà soát, bổ sung, điều chỉnh phù hợp với tình hình và bối cảnh mới trong và ngoài nước; đồng thời phương pháp lập quy hoạch đảm bảo tính phản biện của cộng đồng;

- Các phương pháp lập điều chỉnh quy hoạch mang kỹ thuật chuyên ngành phải tuân thủ các tiêu chuẩn, quy định, quy phạm quốc gia ban hành. Hệ thống chỉ tiêu sử dụng trong quy hoạch cần mang tính tổng hợp, phản ánh được bản chất các vấn đề kinh tế, xã hội và môi trường;

- Các phương pháp điều chỉnh lập quy hoạch liên quan đến vấn đề lượng hóa trong xử lý tổng hợp quy hoạch tỉnh cần được xem xét trên nguyên tắc hiệu quả cho toàn bộ hệ thống;

- Các phương pháp lập điều chỉnh quy hoạch cần đảm bảo tính logic, chặt chẽ, khoa học, thống nhất và có khả năng đo lường để các kết quả có thể theo dõi, giám sát, kiểm tra sau khi báo cáo quy hoạch được phê duyệt;

- Các phương pháp lập điều chỉnh quy hoạch phải căn cứ vào thực tiễn (tư liệu, số liệu tin cậy), các hệ thống định mức phù hợp với thực tế, phản ánh được bản chất của thực tiễn, dựa trên yêu cầu thực tế của quốc gia, vùng, tỉnh Thanh Hóa. Những thông tin cần thiết cho việc lập quy hoạch phải phù hợp và tương thích với thông tin và chỉ tiêu kinh tế - xã hội hiện có và được sử dụng trong hệ thống thống kê và kế hoạch của tỉnh, vùng Bắc Trung Bộ và cả nước.

- Thông tin phục vụ lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh phải được thu thập từ các nguồn thông tin chính thống, các cơ quan có chức năng cung cấp thông tin, hoặc từ các nguồn thông tin đáng tin cậy, và đáp ứng các yêu cầu về:

+ Thu thập thông tin phục vụ quy hoạch: Thông tin được thu thập phải có sự xác nhận của bên cung cấp thông tin về tính xác thực của thông tin;

+ Xử lý tổng hợp thông tin phải được sử dụng các phương pháp xử lý thông tin có tính khoa học; các phương pháp tính toán, kết quả tính toán dữ liệu thứ cấp phải được lưu giữ, được công khai cách tính toán với hội đồng thẩm định quy hoạch;

+ Đánh giá hiện trạng phát triển phải được thực hiện căn cứ trên thông tin, dữ liệu chính thống và thông tin đã được xử lý, tổng hợp bằng phương pháp khoa học; nội dung đánh giá, nhận định bằng lời phải có thông tin và số liệu minh chứng kèm theo;

+ Phương pháp dự báo, kết quả dự báo, thông tin sử dụng trong dự báo

được lưu trữ và sẵn sàng cung cấp cho cơ quan phản biện;

+ Lập bản đồ thể hiện phương án điều chỉnh quy hoạch: Dữ liệu bản đồ phải được thu thập từ các nguồn dữ liệu bản đồ chính thống, đáp ứng được quy chuẩn, tiêu chuẩn bản đồ hiện hành; các phân tích trên cơ sở dữ liệu bản đồ phải được thực hiện bằng các phương pháp khoa học; thông tin về hoạt động phân tích trên cơ sở dữ liệu bản đồ phải được lưu trữ, và sẵn sàng cung cấp cho cơ quan phản biện; độ chính xác và tỷ lệ bản đồ của mỗi loại bản đồ được lập theo yêu cầu cụ thể của đề cương điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.

2.2. Phương pháp lập điều chỉnh Quy hoạch

- Phương pháp tích hợp quy hoạch: Là phương pháp tiếp cận tổng hợp và phối hợp đồng bộ giữa các ngành, lĩnh vực được sử dụng để xử lý các mâu thuẫn phát triển và lựa chọn tối ưu các ngành, lĩnh vực, lãnh thổ động lực có liên quan đến kết cấu hạ tầng, sử dụng tài nguyên và bảo vệ môi trường trong quá trình lập quy hoạch tỉnh Thanh Hóa nhằm đạt được mục tiêu phát triển cân đối, hài hòa, hiệu quả và bền vững;

- Phương pháp nghiên cứu tại bàn: Phương pháp được sử dụng nhằm tiến hành thu thập, tổng quan và phân tích các số liệu, cơ chế, chính sách, pháp luật liên quan tới công tác lập điều chỉnh quy hoạch tỉnh Thanh Hóa. Các nguồn số liệu từ địa phương; từ cơ quan tổ chức cấp quốc gia; các tổ chức quốc tế; số liệu từ nghiên cứu sơ cấp thông qua phỏng vấn các lãnh đạo, chuyên gia, doanh nghiệp và các đối tượng liên quan khác; số liệu từ khảo sát thực địa;

- So sánh đối chiếu, lồng ghép bản đồ với việc áp dụng công nghệ thông tin, hệ thống thông tin địa lý (GIS): Phương pháp được sử dụng để xây dựng các lớp hệ thống cơ sở dữ liệu thông tin địa lý làm cơ sở cho công tác điều chỉnh lựa chọn các ngành/lĩnh vực ưu tiên phát triển, xây dựng phương án điều chỉnh phát triển và tổ chức không gian hoạt động kinh tế - xã hội;

- Phương pháp phân tích, đánh giá, chẩn đoán nhận diện các vấn đề nghiên cứu được sử dụng trong quá trình lập điều chỉnh quy hoạch để phân tích sự vận hành tổng thể nền kinh tế tỉnh Thanh Hóa để chỉ ra các điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, nguy cơ và thách thức đối với hiện trạng phát triển và phương án phát triển kinh tế - xã hội tỉnh trong thời kỳ quy hoạch;

- Phương pháp dự báo, quy hoạch chiến lược và xây dựng các kịch bản phát triển được sử dụng để dự báo điều chỉnh các chỉ tiêu chính phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo bền vững môi trường;

- Phương pháp cùng tham gia được lựa chọn: Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được xây dựng dựa trên sự kết hợp giữa thực tế của địa phương với kiến thức chuyên môn và kinh nghiệm;

- Phương pháp cân đối, đánh giá hiệu quả các giải pháp quy hoạch;

- Phương pháp tham gia của cộng đồng và dân cư.

Ngoài những phương pháp trên, tư vấn có thể áp dụng các phương pháp

nghiên cứu khác phù hợp với quy trình lập quy hoạch.

3. Báo cáo đánh giá môi trường chiến lược đối với điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa

3.1. Tên báo cáo: Đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) đối với điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

3.2. Yêu cầu về quan điểm, nguyên tắc, mục tiêu xây dựng báo cáo ĐMC

- Quá trình đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) và quá trình xây dựng các nội dung cơ bản của điều chỉnh Quy hoạch tỉnh được thực hiện đồng thời và củng cố cho nhau trong khuôn khổ phát triển bền vững. ĐMC áp dụng cho điều chỉnh Quy hoạch tỉnh là cơ hội để lồng ghép quá trình đánh giá môi trường chiến lược vào quá trình xây dựng các nội dung của điều chỉnh Quy hoạch trong thời kỳ quy hoạch.

- Việc xây dựng các nội dung báo cáo ĐMC cần sự tham vấn các bên liên quan trong quá trình xây dựng và thẩm định quy hoạch và đảm bảo các hậu quả môi trường do thực hiện quy hoạch sẽ được xác định và đánh giá trong quá trình lập quy hoạch trước khi được phê duyệt.

- Sự lồng ghép các nội dung bảo vệ môi trường vào tất cả các giai đoạn của quá trình thẩm định và thực hiện quy hoạch cho phép các nhà quản lý điều chỉnh quy hoạch ở những thời điểm thích hợp.

3.3. Yêu cầu về dự báo triển vọng và nhu cầu phát triển trong thời kỳ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh

- Trong dự báo đối với ĐMC tập trung làm rõ những tác động đến môi trường của những kịch bản và những định hướng, phương án phát triển được đề xuất trong bản điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, dự báo được những hậu quả có thể có của các tác động đó để có thể đề xuất những phương án điều chỉnh (nếu cần thiết) để đảm bảo yêu cầu về bảo vệ môi trường (việc đề xuất này cần thực hiện ngay từ khi tham gia cùng với các chuyên gia xây dựng các nội dung của điều chỉnh Quy hoạch tỉnh);

- Phân tích dự báo các vấn đề môi trường: Yêu cầu việc dự báo các vấn đề về môi trường (chủ yếu là các tác động tích cực và tiêu cực) có thể xảy ra theo phương án hoặc theo các phương án phát triển khác nhau đã đề ra;

- Dự kiến đề xuất các phương hướng, giải pháp tổng thể về môi trường: Trên cơ sở dự báo được các vấn đề môi trường tiêu cực có thể xảy ra làm cơ sở đề xuất các phương hướng, giải pháp tổng thể nhằm khắc phục các vấn đề môi trường xấu có khả năng xảy ra khi triển khai thực hiện các định hướng phát triển đề ra trong quy hoạch;

- Khi dự báo đối với ĐMC cần phân tích kỹ những bước xây dựng quy hoạch bao gồm các thông tin về: Cấu trúc và trình tự của quá trình xây dựng điều chỉnh Quy hoạch tỉnh theo Luật quy hoạch và các văn bản hướng dẫn;

những vấn đề cốt lõi đang được xem xét; khung thời gian và việc tổ chức cho các bên liên quan tham gia vào việc xây dựng điều chỉnh quy hoạch.

3.4. Yêu cầu nội dung

Trên cơ sở kinh nghiệm và các nội dung chính của báo cáo ĐMC mà cả nước đã tiến hành cũng như những nội dung cơ bản quy định, thì báo cáo ĐMC của điều chỉnh quy hoạch tỉnh Thanh Hóa cần bảo đảm các nội dung chính sau:

- Tóm tắt về sự cần thiết và bối cảnh xây dựng điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và sự cần thiết phải xây dựng báo cáo ĐMC cho điều chỉnh Quy hoạch: Cơ sở pháp lý của nhiệm vụ xây dựng điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, cơ sở pháp lý của việc xây dựng báo cáo ĐMC, gồm có: (i) Liệt kê các văn bản pháp luật làm căn cứ để thực hiện đánh giá môi trường chiến lược (ĐMC) của điều chỉnh Quy hoạch tỉnh trong đó nêu đầy đủ chính xác: Mã số, tên, ngày ban hành, cơ quan ban hành của từng văn bản và đối tượng điều chỉnh của văn bản; (ii) Liệt kê đầy đủ các quy chuẩn kỹ thuật về môi trường và các quy chuẩn kỹ thuật liên quan khác được sử dụng để thực hiện ĐMC của điều chỉnh Quy hoạch. Liệt kê các hướng dẫn kỹ thuật về ĐMC và các tài liệu kỹ thuật liên quan khác được sử dụng.

Phương pháp thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.

- Tóm tắt nội dung của điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.
- Môi trường tự nhiên và kinh tế - xã hội.
- Đánh giá sự phù hợp của điều chỉnh quy hoạch với quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường. Đánh giá sự phù hợp/không phù hợp hoặc mâu thuẫn giữa quan điểm, mục tiêu của điều chỉnh Quy hoạch với các quan điểm, mục tiêu về bảo vệ môi trường. Dự báo tác động (tiêu cực, tích cực) của các quan điểm, mục tiêu của điều chỉnh Quy hoạch đến các quan điểm, mục tiêu bảo vệ môi trường. Đánh giá những ảnh hưởng tiêu cực, tích cực lên các mục tiêu về bảo vệ môi trường, các xu thế môi trường của từng phương án phát triển đề xuất. Nêu rõ các vấn đề môi trường chính liên quan đến điều chỉnh Quy hoạch cần xem xét trong ĐMC. Dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính trong trường hợp không thực hiện theo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh.
- Đánh giá, dự báo xu hướng tích cực và tiêu cực của các vấn đề môi trường trong trường hợp thực hiện điều chỉnh Quy hoạch. Đánh giá, dự báo tác động của điều chỉnh Quy hoạch đến môi trường, Dự báo xu hướng của các vấn đề môi trường chính.
- Đánh giá, dự báo xu hướng tác động của biến đổi khí hậu trong việc thực hiện điều chỉnh Quy hoạch.
- Tham vấn trong quá trình thực hiện đánh giá môi trường chiến lược.
- Giải pháp duy trì xu hướng tích cực, phòng ngừa, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường trong quá trình thực hiện điều chỉnh Quy hoạch.

- Các nội dung của điều chỉnh Quy hoạch tỉnh đã được cân đối điều chỉnh trên cơ sở kết quả xem xét đến vấn đề bảo vệ môi trường.

- Các giải pháp duy trì xu hướng tích cực, phòng ngừa, giảm thiểu xu hướng tiêu cực của các vấn đề môi trường chính trong quá trình thực hiện điều chỉnh Quy hoạch.

- Các giải pháp khác (nếu có).

- Những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu trong quá trình thực hiện điều chỉnh Quy hoạch và kiến nghị hướng xử lý (nếu có).

3.5. Yêu cầu về sản phẩm, quy cách hồ sơ báo cáo ĐMC

Sản phẩm giao nộp và quy cách:

- Báo cáo tổng hợp bản cứng và hệ thống phụ lục, bảng biểu, có trích dẫn rõ nguồn;

- Báo cáo tóm tắt bản cứng và hệ thống phụ lục, bảng biểu, có trích dẫn rõ nguồn;

- Hệ thống sơ đồ, bản đồ liên quan.

3.6. Yêu cầu về tính khoa học, thực tiễn độ tin cậy về phương pháp tiếp cận, lập báo cáo ĐMC

- Nêu rõ cách tiếp cận lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược;

- Nêu rõ phương pháp lập báo cáo ĐMC được sử dụng vào những nội dung nào của báo cáo.

3.7. Yêu cầu về tiến độ

Báo cáo ĐMC được tiến hành song song với quá trình lập điều chỉnh Quy hoạch.

3.8. Yêu cầu về trách nhiệm và sự phối hợp giữa các cơ quan trong lập báo cáo ĐMC

- Chủ trì lập báo cáo ĐMC: Cơ quan lập quy hoạch có trách nhiệm tổ chức lập báo cáo đánh giá môi trường chiến lược theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường;

- Cơ quan phối hợp: Sở Nông nghiệp và Môi trường, đơn vị tư vấn, cơ quan nghiên cứu về tài nguyên, môi trường.

VI. HỒ SƠ SẢN PHẨM LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH

Thành phần, số lượng, tiêu chuẩn, quy cách hồ sơ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa:

1. Yêu cầu chung về sản phẩm

- Tính chính xác, đầy đủ, khoa học, khách quan và kế thừa;

- Tính đồng bộ, có khả năng kết nối, trao đổi dữ liệu;

- Cập nhật thường xuyên; lưu trữ, bảo quản, đáp ứng yêu cầu sử dụng lâu

dài;

- Tổ chức quản lý có hệ thống, thuận tiện trong khai thác sử dụng, phục vụ kịp thời công tác quản lý nhà nước, đáp ứng yêu cầu khai thác phục vụ công tác điều chỉnh quy hoạch và nhu cầu thông tin quy hoạch của các cơ quan, tổ chức, cá nhân;

- Công bố công khai và đảm bảo quyền của cơ quan, tổ chức, cá nhân tiếp cận và sử dụng thông tin đúng mục đích theo quy định pháp luật;

- Tuân thủ quy định của pháp luật về bảo vệ bí mật nhà nước, sở hữu trí tuệ.

2. Sản phẩm báo cáo quy hoạch và các văn bản trình thẩm định, phê duyệt

- Dự thảo văn bản trình thẩm định điều chỉnh Quy hoạch tỉnh;
- Dự thảo văn bản trình phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh;
- Dự thảo quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh;
- Báo cáo thuyết minh tổng hợp Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh;
- Báo cáo tóm tắt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (đủ thông tin, thể hiện được các nội dung chính của Báo cáo tổng hợp điều chỉnh quy hoạch);
- Hệ thống sơ đồ, bản đồ, cơ sở dữ liệu (bao gồm cả bản đồ số), bản đồ chuyên đề (nếu có) điều chỉnh quy hoạch tỉnh;
- Báo cáo tiếp thu, giải trình ý kiến góp ý của các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến điều chỉnh quy hoạch tỉnh;
- Báo cáo rà soát, đánh giá thực hiện quy hoạch được duyệt;
- Các tài liệu liên quan khác;
- Cơ sở dữ liệu phải đảm bảo theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

3. Sản phẩm báo cáo nội dung đề xuất đưa vào quy hoạch

- Báo cáo thuyết minh nội dung đề xuất (chuyên đề) đưa vào điều chỉnh quy hoạch tỉnh (*chỉ nghiên cứu thực hiện đối với một số lĩnh vực điều chỉnh nhiều nội dung như công thương, xây dựng, nông nghiệp và môi trường*);

- Cơ sở dữ liệu các nội dung đề xuất để tích hợp đảm bảo theo yêu cầu chung của hệ thống thông tin và của nhiệm vụ xây dựng nội dung tích hợp điều chỉnh quy hoạch.

4. Đề xuất một số nguyên tắc chính để tích hợp về mặt không gian

- Thống nhất về định dạng dữ liệu;
- Thống nhất về trường dữ liệu.

5. Điều chỉnh hệ thống bản đồ, sơ đồ và cơ sở dữ liệu quy hoạch

Hệ thống sơ đồ, bản đồ thể hiện Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa được xây

dựng dựa trên hệ tọa độ VN2000, bao gồm sơ đồ, bản đồ in và sơ đồ, bản đồ số để tích hợp vào hệ thống cơ sở dữ liệu quốc gia về quy hoạch.

VII. YÊU CẦU VỀ KẾ HOẠCH, TIẾN ĐỘ LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH TỈNH THANH HÓA THỜI KỲ 2021 - 2030, TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2050

Kế hoạch, tiến độ tổ chức điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050, như sau:

- Tổ chức triển khai điều chỉnh Quy hoạch tỉnh sau khi Đề cương điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Thanh Hóa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổ chức nghiên cứu điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (thu thập thông tin, khảo sát, xây dựng nội dung đề xuất tích hợp quy hoạch... dự thảo Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, xây dựng cơ sở dữ liệu, hệ thống bản đồ...), dự kiến hoàn thành tháng 4-5/2026.

- Trình Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh và hoàn thiện Báo cáo; dự kiến hoàn thành trong tháng 5/2025.

- Tổ chức xin ý kiến về nội dung chủ yếu của Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh (các cơ quan liên quan trong tỉnh, các chuyên gia, các bộ ngành và các tỉnh lân cận...), dự kiến tháng 5/2026.

- Trình thẩm định Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và hoàn thiện Báo cáo điều chỉnh Quy hoạch sau thẩm định, dự kiến tháng 6/2026.

- Trình HĐND tỉnh thông qua, dự kiến tháng 6/2026.

- Trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh, dự kiến tháng 6/2026.

- Rà soát, hoàn chỉnh sau phê duyệt và tổ chức công bố: Quý II/2026.

VIII. XÂY DỰNG DỰ TOÁN LẬP ĐIỀU CHỈNH QUY HOẠCH

1. Căn cứ lập dự toán chi phí

- Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15;

- Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 90/2025/QH15;

- Luật Quy hoạch số 112/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Nghị định số 254/2025/NĐ-CP ngày 26/9/2025 của Chính phủ quy định về quản lý, thanh toán, quyết toán dự án sử dụng vốn đầu tư công;

- Nghị định số 70/2026/NĐ-CP ngày 09/3/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch;

- Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch;

Thông tư số 21/2023/TT-BKHĐT ngày 31/12/2023 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư (nay là Bộ Tài chính) về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 08/2019/TT-BKHĐT ngày 17/5/2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn về định mức cho hoạt động quy hoạch;

- Thông tư số 004/2025/TT-BNV ngày 07/5/2025 của Bộ Nội vụ quy định mức lương của chuyên gia tư vấn trong nước làm cơ sở cho việc xác định giá gói thầu;

- Thông tư số 32/2023/TT-BTC ngày 29/5/2023 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sử dụng kinh phí chi thường xuyên của ngân sách nhà nước, bao gồm cả nguồn vốn tài trợ của các tổ chức, cá nhân để lập, thẩm định, quyết định hoặc phê duyệt công bố, điều chỉnh quy hoạch;

- Thông tư số 40/2017/TT-BTC ngày 28/4/2017 của Bộ Tài chính quy định công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan nhà nước sự nghiệp công lập; Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định công tác phí, chi hội nghị đối với cơ quan nhà nước sự nghiệp công lập;

- Thông tư số 12/2025/TT-BTC ngày 19/3/2025 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 40/2017/TT-BTC quy định chế độ công tác phí, chế độ chi hội nghị;

- Thông tư số 36/2026/TT-BTC ngày 31/3/2026 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc quản lý, sử dụng chi phí và định mức cho hoạt động quy hoạch;

- Thông tư số 39/2025/TT-BKHHCN ngày 30/11/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định chi tiết và hướng dẫn về lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán một số nội dung chi ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo;

- Thông tư số 01/2024/TT-BTNMT ngày 02/02/2024 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định định mức cho hoạt động thực hiện đánh giá môi trường chiến lược của quy hoạch;

- Các quy định hiện hành khác của pháp luật về quản lý, sử dụng ngân sách nhà nước.

2. Dự toán kinh phí: Được rà soát, cập nhật trên cơ sở Đề cương lập điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và các quy định hiện hành.

3. Nguồn vốn lập điều chỉnh quy hoạch: Nguồn vốn lập điều chỉnh quy hoạch từ nguồn vốn ngân sách tỉnh Thanh Hóa./.